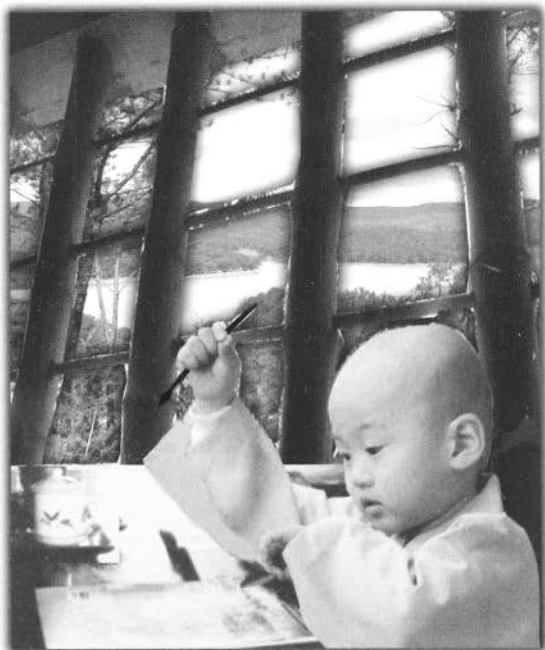


THÔNG THIỀN

Viết bên
song trúc



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

VIẾT BÊN SONG TRÚC

THÔNG THIỀN

VIẾT BÊN SONG TRÚC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

21/5/2012

THU S
VNG DE VN
C VANG HIA NH
SOK 10135

Sau tuần thất hai mươi một ngày của Ba, con về Tu viện Chân Không mà lòng còn trĩu nặng. Con được quý Thầy sắp xếp ở trong thất mà ngày xưa cách đây hai mươi năm Ba đã ở. Ôi! bao nỗi nhớ niềm thương hiện về trong tâm tưởng....

Con còn nhớ khi con xuất gia không bao lâu thì Ba cũng ra đến Tu Viện, và đến tháng 10 năm 74 thì cha con mình cùng thọ giới Sa di. Hình như cả gia đình mình cùng quay quần bên Thầy, tại núi Tương kỳ. Cuộc đời tu hành sum họp an vui đến thế, không ngờ đến tháng 6 năm 1975 lại có cuộc sinh ly: Ba mẹ về lại quê nhà, con và anh hai xuống Thường Chiếu. Thế rồi định nghiệp và thời gian cứ đẩy đưa....

Ngày xưa còn bé, con được Ba xếp loại ưu tiên một. Con làm sao quên được khi Ba hôn con, Ba thường lấy râu mép và râu cằm cà lên hai gò má làm con cười nắc nẻ, và Ba thường âu yếm gọi con là “Út ít ụt ít” của Ba. Đi vào bước trưởng thành từ mười ba,

mười bốn tuổi con càng ngại ngại Ba vì gương mặt lạnh lùng và cây roi mây ở tay Ba. Ba căn nhắc lời nói, chỉ nói khi cần và con hiểu là con lớn mẹ nên Ba cần phải nghiêm, mẹ lật lòng nên Ba phải giữ gìn kỷ cương, mẹ chín bỏ làm mười, Ba phải cầm cân nảy mực. Tuy biết như thế, nhưng con vẫn sợ, tránh Ba và xa Ba cho đến lớn.

Mặc dù rất bận rộn trong công việc làm ăn, nhưng Ba vẫn quan tâm đến việc học hành của anh em chúng con. Đứa nào học giỏi Ba thưởng, còn đứa nào tệ lậu thì Ba trừng trị thẳng tay – Ba thường nói như thế. Con rất ngán ăn roi mây của Ba nên cố gắng học hành. Lúc chúng con còn nhỏ thì như vậy, chứ khi chúng con học hết cấp hai thì lại khác, Ba để chúng con tự do phát triển, tùy năng khiếu thích gì cho học nấy, Ba chỉ âm thầm theo dõi, cuối tháng xét phiếu điểm, cuối năm duyệt thành tích biểu. Cảm động nhất là khi chúng con đi thi lấy bằng: Sáng sớm Ba chở đi tiệm nước, điểm tâm xong Ba chở đến trường, dặn dò xem lại phiếu báo danh, trang bị lại hai cây viết máy, bình mực, compa, không quên bỏ vào túi chúng con chai dầu gió để phòng bị xây xấp, gói sâm cao ly để ngậm cho thêm sức và trí óc thêm minh mẫn. Thi xong, vừa bước ra cổng trường đã thấy Ba ngồi trên xe trực sẵn để rước chúng con về. Đến nhà Ba lấy “cung” ngay: Bài vở làm thế nào, về toán đáp số ra bao nhiêu, về văn có lạc đề không, cuối cùng thì Ba

làm giám khảo chấm điểm cho chúng con luôn, phán rằng chú này hạng bình, chú kia hạng thứ v.v... Ngày công bố kết quả mới vui, sáng sớm Ba lấy xe chở chúng con đến trường, ngồi đợi để nghe nhà trường xướng danh. Thường thì anh em chúng con không làm cho Ba thất vọng về phương diện này.

Và chiều hôm đó Ba chở chúng con đi nhà hàng khao cho một châu. Ba “o” những con gà nòi của Ba đến thế đó!

Viết đến đây con mạn phép thay mặt các anh chị con xin Ba tha lỗi cho chúng con vì đã phụ lòng mong ước của Ba nhiều lắm! Tuy học hành có giỏi song chúng con đâu làm được gì để báo đáp song thân, bởi vì chúng con vào chùa tu từ anh Hai cho đến Út. Đứng về lập trường Khổng giáo, chúng con có lỗi rất lớn, phải không Ba! Một lần nữa xin Ba tha lỗi cho chúng con, nha Ba!

Khi con ở tuổi trung niên thì Ba ở vào giai đoạn già yếu. Bề ngoài ngó dấu phương cương nhưng nội tạng đang hồi rệu rã. Ba hay nói với con: “Dạo này Ba nghe ‘bết’ lắm, hết đau nơi này lại nghe như nhéo nơi kia, trong mình Ba nghe ‘kỳ’ lắm!”. Bỗng nhiên một hôm Ba đột quỵ, nghe điện anh em con về đủ, cấp cứu cho ba kịp thời, Ba bình phục được. Chúng con ai về chùa nấy. Thế rồi, một sáng nọ con được điện về gấp để săn sóc Ba, Ba muốn vậy. Trong thời gian này, Ba

yêu cầu làm cho Ba hai việc: Một xây cho Ba kim tinh trong vườn nhà. Hai, trong anh em chúng con phải có đứa viết lại cuộc đời Ba. Việc trên các anh con đã lo xong, riêng con xin lãnh phần còn lại, nhưng con xin thưa thật điều này: Chị con có trái tim với tần số rung cảm tuyệt vời và là một ngọn bút tài tình nên khắc họa chân dung mẹ của chúng con thật đẹp, còn con thì bất tài nên mạn phép cầm bút phác họa những nét chính của Ba thôi.

Phải nói rằng Ba quả là hiện thân của lý trí: Hiểu biết rộng, phán đoán vững, có lập trường kiên định, do đó làm nên sự nghiệp và an nhàn cho đến tuổi già. Chúng con được Ba cho ăn học nhiều nhưng chắc gì đã hơn Ba, bằng chứng là khi chọn đất làm kim tinh, Thầy địa lý chỉ đúng ngay vị trí và phương hướng mà Ba đã định. Xót xa nhất và cũng đáng phục nhất là khi bệnh nhiều sợ chúng con khổ vì hầu hạ lâu ngày nên Ba kiên quyết không ăn, nằm mỗi mòn chờ chết. Ôi! hình ảnh của Ba trong cơn hấp hối ghi đậm nét trong lòng con thành một dấu ấn khó phai. Con xin được phép mang theo trong hành trang của mình để làm đề tài quán niệm giữa những cơn bức bách của niệm lợi danh và niềm khát ái.

Trong đời, con cũng đôi khi cãi lại Ba, tỏ vẻ kiêu ngạo với Ba. Ba cho con được sám hối, Ba ơi! Vì lẽ như Newton đã nói: “Nếu tôi nhìn được xa hơn những

người khác, thì đó là vì tôi đứng trên vai các bậc khổng lồ". Ở đây, bậc khổng lồ chính là Ba của con vậy.

Ba là người tạo dựng hình hài, nuôi con khôn lớn và trang bị kiến thức cho con. Ôi! Công lao ấy to tát biết bao. Tình yêu thương nồng ấm của Ba cho đến nay con vẫn còn hình dung ra, cảm nhận được, dù Ba vĩnh viễn xa con rồi! Song, người hun đúc rèn luyện con, khai mở nhãn quang xuyên phủng đất trời, giúp con có được phong cách sống vững mạnh, an nhiên giữa cuộc đời... lại chính là Thầy của con. Nếu không gặp được Thầy, có lẽ con không được như ngày nay. Ba còn nhớ tháng 10 năm 1973 con từ bỏ áo thư sinh, một mình lên núi, làm cả nhà hốt hoảng đi tìm. Thì ra con đến và ở lại với Thầy. Và độ một năm sau thì cả nhà mình đều tụ hội dưới chân Thầy, sống nhờ ân đức của Thầy.

Chân Không là ngưỡng cửa con bước vào đạo, cũng là nơi con tập tành học hỏi về Thiền...

Thường Chiếu vào những năm 75-80, đối với con có khác nào thao trường đấu! Chính nơi đây con ra đi, và trước ngày con lên đường mấy hôm, Ba ra Thường Chiếu thăm con, hai cha con mình tâm sự suốt đêm. Ngày đăng trình, con mang theo vồn vẹn chiếc nón lá, bộ đồ vật mẻ mặc trên mình, nhưng còn có ba món quý báu, đó là: Lời dạy của Thầy, lời dặn dò của Ba, bài tâm ca của anh Đ.H. tất cả giống như lời nguyện

khắc trên báng súng, vẫn ngân vang theo nhịp bước quân hành.

Những bản hùng ca theo bước chân người lính dù có tuyệt vời, dù dòng thơ văn hiện thực Xô Viết có làm cho tuổi xuân con háo hức, say mê với tình yêu cuộc sống đến đâu đi nữa, nhưng một khi trở về Thường Chiếu thì con bỏ nó lại sau lưng, gởi nó theo mây gió phiêu bồng. Chính trong thời gian này, con đọc được tự truyện của ngài Hám Sơn, trong đó có đoạn:

*Cà sa cõi lớp đối nhùng trang,
Tùy tiện nơi đâu cũng đạo tràng,
Dấu gập cánh duyên đường lửa đỏ,
Tắm lòng băng tuyết để chi tan.*

Phong cách sống của Ngài hào hùng biết mấy, nhưng con không được như Ngài đâu, bạch Thầy! Con rất ử ê và hết sức gắng gượng khi đi giữa lòng cuộc sống! Con luôn mến thích vẻ hùng tráng của núi rừng, cánh thanh tịnh của già lam, có thể nói là con không “hạp” với sinh hoạt của thế gian, dù cố gắng hội nhập, tiêu dung... gì gì đi nữa. Tóm lại là trình độ của con chưa đủ sức để:

*Lộ hung tiến túc nhập triển lai,
Phù thổ đồ khô tiểu mãn tai...
(Chân trần bày ngực chôn chợ đời,
Gập cánh trần lao vẫn thấy vui...)*

Mà vì căn lành mỏng, nghiệp chướng sâu nên đường tu giữa chừng bị trục trặc và phải gồng mình chịu đựng. Con chỉ được cái may mắn là yêu Phật hơn yêu “người ấy”, nên mới còn trở về với đạo. Tự nhiên trong con, hình tượng uy nghi khả kính của đấng Từ Tôn, phong cách cao thượng, từ ái của Ngài như trong kinh thường miêu tả, choáng hết tâm tư con và con được lành lặn trở về. Ôi, kỳ diệu thay chánh pháp!

Lần thứ hai vì thương anh Đ.H và hiểu lầm Thầy mà con tự xa rời Thường Chiếu với cõi lòng tan nát, với tâm trạng của Spinoza khi rời bỏ quê hương của mình. Đứng trước cây số 71 con bỗng nghe “thống tâm tật thủ”, và khi xe chuyển bánh xa dần Thường Chiếu cũng là lúc những giọt lệ nóng đang lăn dài trên má của hai anh em.

Chuyến ra đi lần này dài hơn chuyến trước và chúng con gặp phải phong ba bão táp nhiều hơn vì đã làm thương tổn đến Thầy. Con xin cúi đầu sám hối trước Thầy, xin thầy tha tội. Cái tội nông nổi không kịp nghĩ suy!

Tai họa lớn nhất là lúc anh con lập gia đình, biết bao biến cố dồn dập xảy đến gia đình ba mẹ chúng con. Riêng con thâm nghĩ: Mình làm thì mình chịu và luôn nhớ đến câu nói của C. Bô Ú Vi: “Tai họa giống như chiếc búa của người thợ rèn, nó giáng

xuống tức là đang rèn đấy!”. Thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh, lúc đó nó trở nên cứng rắn lạ thường. Trong những thử thách của cuộc đời, con cũng đã được tôi luyện như vậy và đã không bị ngã gục trước cuộc sống.

Thế rồi:

Cửu vi phong thế,
Kiêu ký hoang thôn,
Thân tuy thiên ngoại chi thâm thương,
Y hữu kính trung chi loan phượng.

[Thơ Tuệ Trung Thượng Sĩ]

*Thấy ở miền đông, con miền tây,
Hằng xa phong thái nhớ nhung đây,
Dù cho ngăn cách đường ngàn dặm,
Chỉ một tâm này – ai có hay?*

Con luôn tâm niệm rằng sẽ về lại với thầy và nhất định là ngày ấy không xa.

Sau những tháng ngày miệt mài học tập nhất là sau ngày “Đỉnh hoa biểu từ khơi bóng hạc”, con lại xách gói một mình âm thầm lên non như hai mươi hai năm về trước....

Giờ phút này, con ngồi đây, trên cao, viết về tấm lòng của biển. Càng lên cao, nhìn thấy biển càng mênh

lông; cũng như con càng lớn, được học hỏi nhiều, hiem nghiệm sâu, con càng cảm nhận ra tấm tình bát gát của Ba, tình thương bao la của Thầy. Ngoài kia, ời xa khơi, gió mát không ngừng thổi vào, con hân oan đón nhận và thành kính cúi đầu cảm ơn, cảm ơn ải mãi....

Lời Kể Đặng Trinh

Xa xa chào thầy bạn
Thăm thăm lên đường dài
Sớm xuân trời lành lạnh
Lất phất hạt mưa mai

Quân trường vang tiếng gọi
Luyện rèn nên chí trai
Chí đặt nơi cao viễn
Nào phải chốn vân đài
Đường mây không cất bước
Chỉ hướng nẻo Hoàng Mai

Bước quân hành tạm nghỉ
Đọc pháp ngữ đôi bài
Nhớ Đức Thanh người cũ
Chí hướng thượng nào phai

Một mai xin về lại
Chon Không vốn quê nhà
Làm mây lành bữa khắp
Rợp mát chốn gần xa.



Con ngồi trên cao viết về tầm lòng của biển...

Đại Dương Trong Đôi Mắt

Chiều nay dừng bước trên bờ biển, trong tiếng ào ạt của sóng, thì thầm của gió, cảnh mênh mông của nước trời liền dải, con chợt cảm nhận mình giống như con ốc nhỏ giữa đại dương và khám phá ra cả một đại dương vô bờ ẩn hiện trong đôi mắt của ân sư.

Những cảm nghĩ miên man về Thầy - bậc ân sư khả kính của con - như những đợt sóng từ xa khơi đổ về...

Tấm lòng từ ái của Thầy quả thật bao la như đại dương mà theo con nghĩ không chỉ riêng con mới phát hiện ra, thọ nhận được...

Con nhớ lại ngày đầu tiên lên Tu viện Chơn Không với tâm trạng hăm mộ hình tướng giải thoát, dung nghi khác phàm của chư tăng nơi đây. Trong lúc con chấp tay quỳ xuống xin được xuất gia tu hành, Thầy đã nhìn con bằng ánh mắt hiền từ, ấm áp rồi hứa khả.

Năm 1975, trong những ngày tháng tạo dựng nông thôn, Thầy xuôi ngược đến với chúng con trên tuyến đường, Chơn Khổng – Thường Chiếu – Viên Chiếu. Tháng năm canh tác tự an bản lạc đạo ấy càng thể hiện rõ nét chan hòa, gần gũi, thấm đẫm tình người của Thầy qua ánh mắt ngời sáng bao dung. Tuy trong cảnh khó khổ, Thầy vẫn giữ được phong thái bình thản an nhiên, khiến chúng con đặt trọn niềm tin nơi con đường đã chọn, không dao động, không lùi bước trước bao thử thách cam go. Sống giữa đồng hoang trống trải, chịu đủ mọi vất vả nhọc nhằn, song chúng con cảm thấy yên tâm và thích thú vì được sống gần thiên nhiên và vì có Thầy bên cạnh.

Những buổi hoàng hôn rực nắng, dạo bước bên Thầy, nhìn khói lam chiều nhẹ tỏa lên không từ mái lá, xa xa là những cánh rừng xanh thẳm, tiếng chim hoành hoạch kêu từng hồi rộn rã, làm con liên tưởng đến xóm đạo “Tha La” của Vũ Anh Khanh:

*Đây tha la xóm đạo
 Có trái ngọt cây lành
 Tôi về thăm một đạo
 Giữa mùa nắng vàng hanh
 Ngâm ngùi Tha La bảo
 Đây rừng xanh rừng xanh
 Bụi đùn quanh ngõ vắng
 Khói đùn quanh nóc tranh....*

Mà con nghe lòng mình rạt rào bao niềm thương mến.

Buổi tối ở miền quê u tịch, dưới ánh đèn dầu leo lét, chúng con quây quần bên Thầy để vừa lao động vừa học tập. Hình ảnh Thầy ngồi bên dưới sàng thắt vừa lật đật vừa kể chuyện cho chúng con nghe trong một đêm mưa gió thật là một cảnh tượng khó quên. Thú thật lúc bấy giờ, vì buồn ngủ cũng có, vì mệt mỏi cũng có, nên con không hiểu hết những ẩn ý nằm đằng sau những mẫu chuyện thoát nghe tưởng chừng như ngẫu hứng, lan man của Thầy – khi thì những giai thoại Thiền, khi thì về chuyện đời xưa, đời nay, cũng có khi lại là những kỷ niệm trong cuộc đời hoằng pháp của Thầy. Về sau, khi ôn lại những gì đã nghe trong những ngày tháng ấy, con bỗng “ngộ” ra rằng qua đó, thầy không chỉ truyền đạt con đường đến ngộ của Thiền, mà còn muốn gợi mở những suy nghĩ về lẽ sống: Đạo giác ngộ nằm trong lòng cuộc sống, sống làm sao có ý nghĩa, và lợi ích cho mọi người; và chỉ dạy đạo lý căn bản cho những chú thanh niên mới chấp chững bước vào con đường hướng thượng....

Con còn nhớ có lần vì kém hiểu biết nên có một nhận thức sai lầm. Trước một bước ngoặt của đời tu mà con lại bắt chước Bá Di, Thúc Tề, chỉ uống nước chứ chẳng chịu ăn cơm, khiến Thầy phải nhọc nhằn từ Chơn Không xuống Thường Chiếu khuyên nhủ.

Con nhận được chiều kích của đại dương qua ánh mắt nghiêm khắc ấy, liền từ bỏ ý nghĩ đại đột của mình.

Lần khác, cũng trước một khúc quanh của cuộc đời, con tưởng chừng buông xuôi, đầu hàng số phận, nhưng thật là vạn hạnh là được thầy điểm hóa cho một câu, và con đọc được từ đôi mắt Thầy một niềm thương yêu khích lệ lớn lao. Lần đó, số phận nghiệt ngã buộc con phải xa Thầy, xa mái ấm thiền viện. Từ Thường Chiếu, con buồn bã về Chân Không từ già Thầy để ra đi. Con đã mượn hai câu thơ của Tào Đường để chúc Thầy và nói lên tâm trạng gần như tuyệt vọng của mình:

花留洞口應長在
水到人間定不回

Hoa đương động khẩu ưng trường tại
Thủy đáo nhân gian định bất hồi.

*(Hoa thơm của động còn thơm mãi
Nước chảy hồng trần nước chảy xuôi)*

Ngô Tất Tô

Nhưng không ngờ Thầy liền chỉnh lại câu thứ hai:

Thủy đáo nhân gian nhất định hồi.

Thế là nhờ ghi tâm khắc cốt câu nói đó mà con hạ quyết tâm sẽ trở lại thiền viện và về sau quả được toại nguyện.

Ồ! nói sao hết những điều vụng dại của con. Những điều ấy đã làm phiền lụy đến Thầy không ít. Vậy mà sau những lần lầm lỗi, sám hối xong, con cũng đều được Thầy nhìn bằng ánh mắt từ hòa, tha thứ. Chính ánh mắt ấy đã giúp con vượt qua những nỗi buồn chán và có thêm nghị lực.

Vào thập niên 1990 - 2000, Thầy bận Phật sự phải di hoằng pháp ở hải ngoại, mấy huynh đệ trong ban chức sự cùng đại chúng cùng thấp thỏm trông ngóng và cảm thấy trống vắng như thiếu mất một cái gì thiêng liêng mà gần gũi vô cùng. Khi thầy trở về, chúng con nhìn thầy vẫn thấy nét cười qua ánh mắt, dù ở đuôi mắt Thầy đã rạn dấu chân chim. Chúng con thật sự kinh ngạc, thật sự thần phục năng lực lợi tha phi thường của Thầy. Tuổi già, đi xa, chịu sự đổi thay của thời tiết từ nhiệt đới đến hàn đới, thuyền xe vất vả, phong thổ và thời gian sai biệt cũng đủ khiến cho đồng hồ sinh học trong người rối loạn, huống là cộng thêm thể thái nhân tình đủ kiểu, vậy mà Thầy vẫn chịu nổi, vẫn tự tại, ung dung. Thật đúng như lời ngài Huyền Giác trong Chứng Đạo Ca:

不因訕謗起冤親

何表無生慈忍力

Bất nhân san báng khởi oan thân

Hà biểu vô sanh từ nhẩn lục.

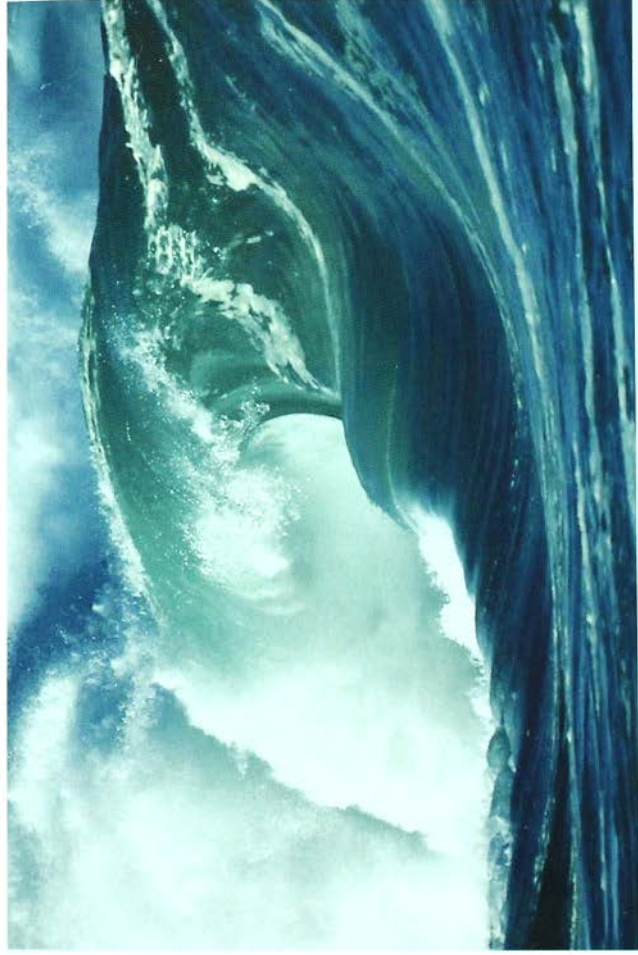
Chẳng do phỉ báng dấy oán thân

Sao tỏ vô sanh sức từ nhẩn.

Thầy quả là tấm gương hoàng pháp sáng ngời để chúng con noi theo học tập.

Có thể trong số chúng con, những đệ tử của thầy, có kẻ chưa nhận ra dạng tích cực của cánh sóng nơi đại dương mà hiểu lầm rồi rời xa Thầy. Nhưng theo vọng tưởng của con, bốn phận của người đệ tử là phải luôn luôn rèn luyện mình, siêng năng học tập kinh điển, dùng nội tâm quán chiếu sâu sắc những lời Thầy dạy. Đó chính là cách đóng thuyền thật chắc, lèo lái thật vững, để cánh sóng của đại dương đưa thuyền ta đi đến chân trời tươi sáng. Còn như trách rằng sóng cả cố ý nhấn chìm ta thì e không đúng, chỉ tại ta không biết nhìn xa và không biết nương vào cánh sóng, có phải?

Gác lại những mỹ từ mà mọi người xưng tụng, đối với riêng con, Thầy mãi là đại dương, đã và đang nâng chiếc thuyền của chúng con trên những cánh sóng, bằng những cánh sóng từ ái của đại dương yêu thương không điều kiện đó, Thầy đưa thuyền chúng con đến bến bờ Chân Thiện Mỹ. Ôi! Thật hạnh phúc biết bao! Thật đáng trân trọng biết bao!



Cánh sóng từ ái của đại dương yêu thương không điều kiện...

Dáng Thầy

Đêm về trên núi rừng cao
Nằm nghiêng nghe buốt giá vào xác thân
Dáng thiền sư rõ bao lần
Thầy ung dung bước giữa trần bôn chôn
Gây thiền khế nhịp lối mòn
Áo vàng tuy nhạt vẫn còn muôn thu.
Nụ cười trăm đẹp hiển từ
Trong đôi mắt biếc niêm suy tư nào?
Con nằm mộng寐 chiêm bao
Thiền sư đến chỉ đường vào pháp thân.
Từ ngày rõ huyễn cùng chân
Mê lầm vọng tưởng cũng dần cạn vơi
Đêm nằm đếm hạt sương trời
Trăng huyền nhiệm sáng sao rơi bên đồi.
Thoáng nhìn quá khứ mù khơi
Tương lai vút bóng tuyết vời phút giây.
Nghe như gió rủ ngàn cây
Ngồi ca pháp nhủ của Thầy ban cho.

15.08.1974

Mai Xuân Hương Thiền

Dứng trước phong cảnh ngày Xuân, muôn hoa khoe sắc, nhà thơ hân thưởng vẻ đẹp này để rồi dạt dào bao nỗi xuyến xao. Cảm xúc theo cảnh trào dâng khiến nhà thơ cao hứng muốn ghi lại hình mạo của Chúa Xuân. Những chất liệu làm nên thi ca thì rất nhiều: Màu sắc rực rỡ của hoa đào, nét vàng thanh tú của hoa mai, âm thanh xào xạc của rừng dương liễu, tiếng hót líu lo của chim hoàng oanh.. Phần lớn những cảnh vật ở trước mắt có sức mời gọi như trên, ai có thể đứng vững. Nhưng đối với bậc cao tăng kiến đạo bằng trí huệ lớn từ Sắc thấy Không thì nhận rằng núi sông và đất đai đều hiển lộ pháp thân, hoa cỏ làm người vui mà cũng làm hiển lộ chí đạo. Cũng như các nhà Lý học đời Tống chẳng hạn, họ ca tụng những câu thần tình trong Kinh Thi, cho là thiên cơ hoạt bát để dẫn chứng cho sự lưu hành của chí đạo.

Chu Tử nói :

半畝方塘一鑑開，
天光雲影共徘徊。

問渠那得清如許，
為有源頭活水來。

Bán mẫu phương đường nhất giám khai,
Thiên quang vân ánh cộng bồi hồi.
Vấn cừ na đặc thanh như hứa,
Vị hữu nguyên đầu hoạt thủy lai.

Ao vuông nửa mẫu giống như gương,
Trời mây một sắc đến in khuôn.
Hỏi ra sao được trong như thế,
Bởi nước lưu thông ở thượng nguồn

Một hôm, Chu Hy quan sát thấy mặt ao rộng nửa
vòng giống như một mặt gương, sắc trời ánh mây cùng
bóng trong đó. Hỏi vì sao ao được trong như thế, té
mới biết vì có nước lưu thông ở đầu nguồn đến.

Ông cho đó là lời nói kiến đạo, là thơ ngụ đạo.

Trong những chất liệu làm nên thi ca như thế, hoa
mai lại được nhà thơ khen tặng là đứng đầu trăm hoa.
Hoa mai là quốc hoa cho mọi người cùng thưởng thức,
nh chịu đựng sương gió lạnh lẽo giúp nó trở hoa chính
tượng trưng cho tinh thần và khí tiết của người quân tử.
Ấy câu thơ vịnh hoa mai nổi tiếng của Tây Hồ như:

疏影橫斜水清淺
暗香浮動月黃昏

Sơ ánh hoành tà thủy thanh thiến,
 Âm hương phù động nguyệt hoàng hôn.

*Bóng hoa vắt ngang làn nước biếc
 Hương thấm lay nguyệt lúc hoàng hôn.*

Tây Hồ tức chỉ cho Lâm Hòa Tĩnh (967-1028). Ông tên thật là Lâm Bô, tự là Quân Phục, người Tiền Đường (Hàng Châu), học giỏi nhưng không chịu ra làm quan, ở ẩn trên núi Cô Sơn, bạn cùng hoa mai, chim hạc. Không rõ thiên tài này ngày xưa có biết đến thuyết Correspondances không. Có lẽ không! Vì thuyết này xuất hiện khoảng thế kỷ XVIII mà Tây Hồ sinh ra trước đó rất lâu. Thế nhưng, nếu nói như nhà thơ Baudelaire rằng mùi hương, màu sắc và những âm thanh tương giao cùng nhau thì quả thật hai câu thơ này của họ Lâm đã mang tính nội hàm đó: Bóng thưa của hoa nằm ngang giữa làn nước trong ở nơi cạn, Hương thấm của hoa làm lung lay bóng nguyệt lúc hoàng hôn. Đẹp thì có đẹp nhưng chưa thấy ngụ thiên lý, phải chờ đến tài năng của Tô Đông Pha như :

紛紛初疑月掛樹
 聯聯獨與參黃昏

Phân phân sơ nghi nguyệt quảy thụ,
 Liên liên độc dữ tham hoàng hôn.

*Mai lá tả ánh vàng vương cây lá,
Người với hoa là một giữa hoàng hôn.*

Nhìn những cánh hoa mai rơi lá tả cứ ngỡ rằng trắng rải ánh vàng vương vãi trên cây, lúc đó là lúc chạng vạng và nhà thơ như hòa làm một với hoa mai. Rõ ràng đến đây thì mai xuân bắt đầu toả ngát hương thiên. Nếu như nhà thơ không hồn nhiên, không bật dứt suy tư thì không sao xóa được lần ranh giữa hoa và người, và cũng khó mà kiến đạo.

Phần đông thi nhân dừng ở nơi thấy hoa tả cảnh, còn cao tăng hoặc thiền nhân cảm thụ có phần khác hơn. Các bậc ấy dùng hoa mai để gợi gắm tình cảm ẩn chứa đạo lý. Bài thơ cổ mai (gốc mai già) của một nhà sư đời Đường như sau :

古梅

火虐風饕水漬根，
霜皴雪皺古苔痕；
東風未肯隨寒暑，
又蘖清香與返魂。

唐 僧

Hỏa ngược phong thao thủy tứ căn
Sương thuân tuyết trụ cổ đài ngân

Đông phong vị khăng tùy hàn thử
Hựu nghiệt thanh hương dữ phản hồn.

*Lửa táp gió lửa lại nước ngâm
Sương búa, tuyết cửa khắc dấu hằn
Gió Xuân chưa biết là lạnh nóng,
Song vẫn đậm chồi tỏa ngát hương.*

Gốc mai già trong vườn chùa hết bị lửa táp rồi bị gió lửa rồi bị ngập nước, sương như búa bổ vào gốc, tuyết đường cửa xẻ khắc dấu hằn vào thân cây. Dù cho chưa biết gió Xuân sắp đến là lạnh hay nóng đây, song Mai vẫn đậm tược trở hoa tỏa hương thơm dịu mát. Phải chăng thiền sư mượn hình ảnh gốc mai già để dụ cho xác thân tứ đại này chịu quy luật của vô thường theo năm tháng mà già nua, chịu biết bao thử thách của cuộc đời mà vẫn tồn tại. Con đường phía trước dù thế nào đi nữa, nhà tu hành vẫn sẵn sàng dâng tặng đóa hoa giác ngộ và hương thơm đạo đức cho cuộc đời.

Hư Đường Trí Ngu (1185-1269): Thiền tăng đời Tống, họ Trần, hiệu Hư Đường, tức Canh Tẩu, người Tương Sơn (Chiết Giang) Trung Quốc. Năm 16 tuổi theo Sư Uẩn chùa Phổ Minh xuất gia, du học khắp nơi, đến Kim Sơn yết kiến Vân Yểm Phổ Nham được tỏ ngộ, nối pháp làm truyền nhân phái Dương Kỳ

tông Lâm Tế. Sau đó lần lượt tham kiến các bậc thiện tri thức. Niên hiệu Thiệu Định thứ 2 (1229), ban đầu sư trụ trì chùa Hưng Thánh, sau đó lần lượt trụ các chùa Báo An, Hiển Hiếu, Thụy Nham, Diên Phước, Bảo Lâm, Dục Vương, Tịnh Từ, Kinh Sơn. Sư được Tống Lý Tông, Tống Độ Tông quy y, công cuộc giáo hóa hưng thịnh. Trong bài thơ dưới đây thiền sư mô tả cây mai sống lâu quá nên râu bám đầy thân, trông chẳng được trẻ trung gì, nhưng nào ai biết mùi hương thơm dịu của nó giống như Ngọc Hồn. Tuyết đã bớt rơi, nhưng khắp rừng không có ánh trăng soi sáng. Trời đã chạng vạng nên trong thành mọi người đốt đèn và có tiếng tù và thổi báo hoàng hôn xuống rồi.

千年苔樹不成春
誰信幽香似玉魂？
霽雪滿林无月晒，
点灯吹角做黄昏

虛堂智愚

Thiên niên đài thọ bất thành Xuân
Thùy tín u hương tợ Ngọc Hồn
Tế tuyết mãn lâm vô nguyệt sái
Điểm đăng xuy giác tổ hoàng hôn.

*Nghìn năm rêu bám, chẳng ngênh Xuân
 Ai hay hương thoảng tựa "Ngọc Hồn"
 Trời lạnh khắp rừng trắng chẳng chiếu
 Đốt đèn, thổi ốc, báo hoàng hôn*

Cây mai già cỗi, rêu bám tường chừng sắp chết đến nơi, nhưng hôm nay, mùa Xuân đến mang lại sức sống mãnh liệt cho muôn loài, thì nơi thân cây khẳng khiu kia bỗng thoảng đưa một mùi hương như có sự sống tinh khiết bên trong, biểu hiện tài tình cái ý *tuyệt hậu tái tô* (chết đi sống lại) trong nhà Thiền. *Tợ ngọc hồn* này khiến chúng ta liên tưởng đến *một cành mai* của thiền sư Mãn Giác và *một cành hoa* trong tay đức Phật trên pháp hội Linh Sơn!

Hoa mai trước gió đông và băng tuyết tượng trưng cho tiết tháo của bậc hiền nhân quân tử giữa những cơn biến động của cuộc đời, nên rất được thi nhân và triết gia thưởng thức, dùng thi ca để ngâm vịnh.

Thơ ngụ đạo vốn là mượn có để hiểu không, mượn vật để ngụ lý, dùng thanh sắc để hiển dụng, dùng nó để làm phương thức biểu hiện đạo lý trong nhà thiền thì không gì tốt hơn. Thế nên, hoa mai mùa xuân cũng là đối tượng mà Thiền sư dùng để hiển bày thiền cơ Phật lý và đã tỏa ngát hương thiền.



Gió xuân chưa biết là lạnh nóng
Song vẫn đậm chồi tỏa ngát hương

Tranh của Trần Quốc Ấn

Nguyễn Xuân

Có những mùa xuân lạnh cỏ cây
Trong ta vẫn ấm với xuân này
Do không chấp nhận bao phù phiếm
Vọng tưởng cho về với thoáng mây.

Có một mùa xuân thật tuyệt vời
Khi người từ tạ ý lên ngôi
Nhưng khi tơ tưởng xuân kiều diễm
Là nắng vàng xuân tắt lịm rồi.

Có một mùa xuân thật lạ lùng
Nhìn đời hoa mộng ý mộng lung
Không niềm vương vấn trong màu mắt
Là với mùa xuân ấy hẹn cùng.

Có một mùa xuân thật tuyệt vời
Nguồn xuân chan chứa khắp ngàn nơi
Trời tâm tĩnh lặng trong vắng vắng
và ánh thiếu quang tỏa rạng ngời.

Có một mùa xuân rất nhiệm mầu
Từ ngàn năm trước lại ngàn sau
Chúa xuân như muốn nhìn tường mặt
Hãy gửi cho mây đóa mộng sầu.

Quay Lại Về Tây

*Thiên môn Tổ ấn khơi niềm nhớ
Bích nhãn Hồ tăng xé đêm dài
Dẫm ngược cành lau về Thiên Trúc
Trời Tây phơi phới chiếc giày bay.*

Con người ấy xuất hiện rực rỡ như vầng dương giữa đêm trường tăm tối, hiên ngang như một kiếm khách giữa triều đình nhà Lương, trầm hùng ngời ngó vách suốt chín năm nơi Thiếu Thất, ánh mắt xanh biếc quét những tia nhìn như xuyên thủng tâm người, cất tiếng an tâm đến nay còn đồng vọng, chân dẫm cành lau rẽ nước phẳng phẳng về Thiên Trúc... tất cả, tất cả như kết hào quang đưa Người vào huyền sử...

Con người đó là ai? Đó chính là vị hoàng tử thứ ba của vua Hương Chí nước Nam Thiên Trúc, vốn tên là Bồ-đề-đa-la, sau khi gặp tổ thứ hai mươi bảy Bát-nhã-đa-la, phát minh đại sự được đổi tên là Bồ-đề-đạt-ma. Thiên tông có hệ thống truyền pháp gồm

hai mươi tám vị Tổ Ấn Độ, sáu vị Tổ Trung Quốc; Bồ-đề-đạt-ma là nhân vật quan trọng từ Ấn Độ đem thiền học truyền về phương Đông, là vị tổ thứ hai mươi tám của Ấn Độ và giữ địa vị sơ tổ trong lịch sử Thiền tông Trung Quốc.

Căn cứ vào chỗ ghi chép của các bộ sử truyền đăng của Thiền tông, vào ngày 21 tháng 9 năm Đinh Mùi (527), niên hiệu Phổ Thông triều Lương, Tổ đến Nam Hải được Thứ sử Quảng Châu là Túc Ngang đón tiếp. Sau đó Tổ ở chùa Thiếu Lâm trên đỉnh Tung Sơn, ngồi xoay mặt vào vách đá chín năm, được sự sùng kính của các đệ tử như Huệ Khả và được người đương thời gọi là Bích Nhân Hồ Tăng (Vị tăng Ấn Độ mắt xanh). Sau đó, vào niên hiệu Thái Hòa thứ 19 triều vua Hiếu Minh Đế đời Hậu Ngụy, Tổ bị đầu độc lần thứ sáu, “do hóa duyên đã xong, tìm được người để truyền pháp” nên Tổ không tự điều trị mà chấp nhận thị tịch.

Về sự tích của Tổ Đạt-ma có không ít truyền thuyết khác nhau, nếu khảo sát trên lịch sử có nhiều điểm không phù hợp, chỉ có vài điểm có thể tin được. Theo Trung Quốc Thiền Tông Sử, chương thứ nhất của Pháp sư Ấn Thuận cho rằng :

1. Tổ Đạt-ma là nhân vật có thật. 2. Tổ quả thật có đến truyền pháp, là người khai sáng Thiền Tông. 3. Khảo cứu kỹ thời gian Tổ đến Trung Quốc và truyền pháp cho đích xác là việc làm khó khăn. 4. Về sự tích của

Tổ Đạt-ma cũng có sự thù ghét và nguy tạo như truyền Cửu niên diện bích (Chín năm ngồi xoay mặt vào vách).

Theo Đạt-ma Truyện của ngài Đạo Tuyên thì Đại thừa bích quán của Đạt-ma công nghiệp rất cao, lưu hành trong đời được lắm người ngưỡng mộ và chủ trương hoằng pháp của Tổ không ngoài chủ trương của Phật giáo, đó là Lý nhập và Hạnh nhập.

Về Lý nhập *mượn giáo để ngộ tông*. Giáo ở đây là giáo lý kinh Lăng-già. Tin sâu chúng sanh cùng một chân tánh tức là Phật tánh Như lai tạng. Nếu bỏ vọng về chân, tình thần ngưng trụ như tường vách không thấy có ta, có người, thánh phàm bình đẳng (...) như thế là thâm hợp với lý Vô vi một cách vắng lặng hỗn nhiên, gọi là Lý nhập. Về Hạnh nhập, sau khi giải thích bốn hạnh: Báo oán hạnh, Tuỳ duyên hạnh, Vô sở cầu hạnh, Xứng pháp hạnh, Tổ kết thúc pháp thoại này bằng tám câu kệ:

*Ngoài dứt các duyên
Trong không nghĩ tưởng
Tâm như tường vách
Mới vào được đạo
Rõ Phật tâm tông
Không còn làm lạc
Hành giải hợp nhau
Mới gọi là Tổ.*

Sở dĩ Tổ Đạt-ma hay hoằng dương pháp Thiền, bởi vì: Một là do nó giản dị, ba tạng kinh điển của Phật giáo nhiều tự cát sông Hằng, nhưng Tổ Đạt-ma chỉ truyền kinh Lăng-già, chẳng đặt nặng giới luật, hình thành phong cách giản dị. Hai là từ phương pháp truyền dạy của Tổ vượt ra ngoài sự trói buộc của danh tướng, thay đổi tùy theo tính cách của người được truyền thọ. Vào thời ấy, đối với việc cầu chấp danh tướng, trọng tri giải giảng dạy của Giáo môn, thì phương pháp mới này là một cú đột phá trọng đại, làm chấn động một thời, phát sinh ra hiệu quả “Rung cảm lòng người rất sâu sắc”. Trải qua vài đời hoằng dương, cuối cùng từ một giáo phái nhỏ, hình thành một tông phái lớn trong Phật giáo, ảnh hưởng rất nhiều đến các tôn giáo khác, cả đến tư tưởng, học thuật, văn học, nghệ thuật của Trung Quốc.

Câu truyện “Chích lý Tây qui” (*quay một chiếc giày về Tây*) của Tổ Đạt-ma, mặc dù có vẻ thần thoại nhưng rất giàu thiền cơ. Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 3 ghi về việc ấy như sau :

Tổ (Đạt-ma) hưng thịnh Thiền tông ban bố mưa pháp, nhuần thấm muôn loài, song có người khí lượng hẹp hòi, tự chẳng kham nhận, liền khởi tâm hại Tổ, nhiều lần đầu độc. Đến lần thứ sáu do thấy hóa duyên đã xong, tìm được người truyền pháp nên Tổ chẳng tự

cứu, ngồi yên thị tịch vào ngày 5 tháng 10 năm Bính Thìn (536), niên hiệu Thái Hòa thứ 19 triều vua Hiếu Minh Đế đời Hậu Ngụy, được chôn ở núi Hùng Nhĩ, xây tháp ở chùa Định Lâm. Sau ba năm, Tống Vân là sứ giả nước Ngụy đi sứ Tây Vực trở về gặp Tổ dưới rừng Thông Lãnh, thấy Tổ quảy chiếc giày, đập cành lau rẽ nước phẳng phẳng một mình về An Độ, liền hỏi Tổ đi đâu? Tổ đáp: Đi về Tây Thiên! Tổ bảo Vân rằng: Chúa của ngươi đã qua đời. Vân nghe xong mờ mịt, từ già Tổ trở về Trung Quốc phục mạng thì vua Minh Đế đã băng hà. Đợi Hiếu Trang Đế lên ngôi, Vân liền kể lại việc ấy. Trang Đế sai người quật tháp thì thấy quan tài trống rỗng, chỉ còn một chiếc giày như ngấm muốn khải thị điều gì...

Qua hình ảnh Tổ quảy một chiếc giày về Tây Trúc vừa phiêu nhiên vừa đầy hào khí, chúng ta thể nhận được điều chi? Rõ ràng là các thiền sư thông qua câu chuyện này dùng thi ca để biểu hiện cơ cảnh của thiền. Như Ngũ Tổ Pháp Diễn có bài tụng như sau :

祖師遺下一隻履
空自肩擔跣足行，
千古萬古播人耳。
何曾踏著自家底。

Tổ sư di hạ nhất chích lý,
Thiên cổ vạn cổ bá nhân nhĩ.
Không tự kiên đảm tiến túc hành,
Hà tăng đập trước tự gia để.

*Tổ sư để lại chiếc giày xinh
Truyền đến muôn đời, kẻ hậu sinh
Không tự gánh vác, chân trần bước
Bao giờ đập trúng giày nhà mình*

Ngũ Tổ Pháp Diễn muốn nói việc Tổ Đạt-ma để lại một chiếc giày trong quan tài nơi tháp chùa Định Lâm núi Hùng Nhĩ, còn một chiếc lại quảy về Thiên Trúc sẽ còn lưu truyền từ nơi tai miệng của thiền tăng đến nhiều đời sau. Nếu như từ góc độ diệu dụng mà nhìn thì ta cho đó là thần thông kì đặc của Tổ. Nếu từ nơi bản thể mà luận thì phải chăng Tổ muốn gợi mở cho chúng ta thấy quan điểm *nhất như vô nhị kiến* của Thiền tông!

Bên cạnh đó, hình ảnh Tổ dẫm trên cành lau đứng trên sóng nước nhằm khái thị điều gì? Đứng dẫm trên là hàm nghĩa không xem trọng. Không xem trọng cái chi? Phải chăng Tổ muốn dạy người tu hành không nên chuộng văn chương bóng bảy mà xa rời chân lý, như lời của Tôn giả Bát-nhã-da-la dạy Tổ khi sang Trung Quốc phải khéo trừ bỏ tệ nạn *thủy trung văn bố*.

Thủy trung văn bố có ý nghĩa văn chương bàng bạc bay bướm như sóng triều uốn dợn trên mặt nước. Điều này cũng ứng hợp với lời tuyên bố đồng dạng của Tổ Đạt-ma: Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.

Thế là, chúng ta hãy từ nơi phương tiện thi thiết này của Tổ sư mà quay lại với chính ta, lập tức gánh vác, xỏ được chiếc giày *nhất như* kia hay nói khác đi mình tâm kiến tánh mới là việc quan trọng; còn như loay hoay với hình ảnh Tổ sư rồi hướng ngoại cầu huyền hoặc cầu tri giải thì giống như người để chân trần mà bước đi, biết đến bao giờ đạp trúng giày nhà mình, rồi cuộc chỉ uống công mà thôi.

Ngày Về

Người đã có lần chào già biệt
Chim rừng, triển đá dốc uy nghi
Lời thầy nhắn nhủ sao tha thiết:
"Hoa lưu động khẩu – thủy hồi quy"(*)

Người đã có lần quay trở lại
Tìm về qua sắc trắng hoàng hôn
Cô đơn đứng giữa đôi tỵ tại
Gió gợn lao xao một khoảng hồn

Người đã bao lần sống ở đây
Thiên hành từng bước, gió thu bay
Hải triều vang dậy, tung cao sóng
Tiếng hét lung lay bóng nguyệt đầy.

Chiều nay về đến phương trời cũ
Biển cả xanh hoà với tháng năm
Rừng núi Tương Kỳ thay áo mới
Vạn kỷ thu về khoảnh khắc tâm.

Vũng Tàu, 28.9.1994

(*) Khi ra đi, con (Thông Thiên) già từ và kính chúc Hòa thượng bằng cách mượn ý trong bài "Tống biệt" của Tào Đường hai câu:

Hoa lưu động khẩu ưng trường tại
Thủy đảo nhân gian bất định hồi.

Nhưng Hòa thượng sửa lại câu sau:
Thủy đảo nhân gian nhất định hồi.

Cách Nhìn

Trong giáo lý nhà Phật có nói đến tám thứ khổ, trong đó sau nỗi khổ sinh lão bệnh tử, điều làm cho người đời bận tâm nhiều hơn cả có lẽ là những cuộc chia tay (Ái biệt ly khổ). Những cuộc chia tay nhiều khi mang mùi vị đắng cay tới mức khiến họ phải xếp nỗi buồn sinh ly ngay sau niềm đau tử biệt. Hiện thực ấy được ghi lại bằng ngôn ngữ thì ca khá nhiều, như trường hợp của Nguyễn Úc. Về hành trạng của ông không rõ năm sinh, năm mất và quê quán ở đâu, chỉ biết dưới triều Trần Minh Tông ông từng làm quan ở viện Hàn Lâm, hiệu là Giản Trai, có tham gia thi xã Bích Động do Trần Quang Triều sáng lập, còn để lại 20 bài thơ chữ Hán trong “Việt Âm thi tập” và “Toàn Việt thi lục”. Khi tiễn người đi phương Bắc, ông có làm bài thơ như sau:

都門回首樹蒼蒼
立馬頻斟勸客觴

一斷離情禁不得
津頭折柳又斜陽

(Độ môn hồi thủ thụ thương thương,
Lập mã tần châm khuyển khách thương.
Nhất đoạn ly tình cầm bắt đắc,
Tân đầu chiết liễu hựu tà dương.)

*Ngoái nhìn thành cổ phía xa xa,
Dừng ngựa tiễn người, rượu rót ra.
Kẻ ở người đi rơi nước mắt,
Bẻ liễu bên sông giữa nắng tà.*

Trong bức tranh tiễn đưa ven sông này, chúng ta thấy có hình ảnh người đi đang ngồi trên lưng ngựa, búi ngùi ngoái nhìn lại thành cổ khuất dưới rừng cây xanh ngắt phía xa xa... Nguyễn Úc thì dừng ngựa rót rượu ly bôi; có nước mắt rơi của người đi lẫn kẻ ở lại. Ông bẻ cành liễu để tặng bạn giữa nắng chiều vàng nhạt. Như thế rõ ràng ở đây là có hai người khổ, người đi lẫn kẻ ở...

Những người trong cửa Thiền cũng có lúc phải chia tay và cũng đều cảm xúc lúc chia tay, nhưng do công phu hàm dưỡng, quán chiếu nên trong giây phút biệt ly họ không bi lụy sụt mướt như thế nhân, như thiền sư Vô Muộn trong bài Mộ Xuân tống nhân:

折柳亭邊手重携
江烟澹澹草萋萋
杜鵑不顧離人意
更向落花枝上啼

(Chiết liễu đình biên thủ trọng huê,
Giang yên đậm đậm thảo thê thê
Đỗ quyên bất cố ly nhân ý
Cánh hương lạc hoa chi thượng đề.)

*Gió tay bẻ liễu ven đình,
Nhật nhòa khói sóng, rập rờn cỏ xanh.
Đỗ quyên kêu rợn dưới cành,
Hoa dương tươi tắn, nào sánh ý gì!*

Vào một buổi chiều xuân, thiền sư đứng ven đình gió tay lần thứ hai mà chưa nỡ bẻ cành dương liễu tặng người đi. Trong lúc gió tay ấy, Ngài đưa mắt nhìn ra bờ sông đầy cỏ xanh xa tít và khói sóng nhàn nhạt, đồng thời tai nghe tiếng chim đỗ quyên rợn rã dưới gốc dương tươi tắn hoa rụng, nhưng nơi tâm thì vô tâm như chim quốc kia cứ kêu như tiễn xuân mà chẳng cần biết tới tình người ly biệt.

Thế là cùng chung một cảnh ngộ chia tay mà cách hành xử của Đời và Đạo lại không giống nhau. Một

bên thì rơi lệ dầm dề, đau khổ xót xa, một bên thì an nhiên tĩnh tại. Vì sao bên đạo được như thế? Bởi vì chuyện đi hay ở, tan hay hợp đều là chuyện nhân duyên, đối với thiền sư tâm an trú trong sát na hiện tiền thì đó là việc bình thường, việc đương nhiên vốn phải có giữa cuộc đời này. Đây là cách nhìn của người hiền trí. Điều này cho thấy hạnh phúc hay khổ đau đều do chính nơi cách nhìn về cuộc đời của mỗi người. Nếu bạn muốn dong đầy cảm xúc để khổ đau thì cứ sống như anh chàng Nguyễn Ước trên đây, còn muốn được thản nhiên tự tại thì nên nhìn đời như thiền sư Vô Muộn.

Thuở Ấy

Thuở ấy đệ huynh cùng xuống núi
Mặt trời thường chiếu đốt thui lưng
Mỗi ngày lao động luôn hai buổi
Khổ cực, cam go vẫn dửng dưng.

Thuở ấy đổi đời chùa thiếu vải
Nấu sòng thay bởi áo nhà binh
Bằng bao bông bột, cờ vắn vện
Dù bị cười khinh, cứ mặc tình.

Thuở ấy theo thời nhín miếng ăn
Chiều xơi cháo trắng lạnh hàm răng
Buổi trưa ăn độn mì, lang, bắp
Ấy thế mà vui, ít kẻ bằng.

Thuở ấy đơn sơ mái chùa tranh
Vách đất bốn bề chẳng cửa phen
Chông tre kéo kẹt hay xương chuyển?
Thảm nhủ: gian nan đạo mới thành.

Thuở ấy chúng tôi sống hào hùng
Nghe lòng tràn ngập nắng mùa xuân
Quê hương thoáng hiện trong tầm mắt
Vui đạo quên nghèo, mạch sống dâng.

Thuở ấy nhiều khê lắm sự tình
Thử thách bao phen chí xuất trần
Hôm nay tứ sự đều sung túc
Tổ ấn ngày thêm rạng môn đình.

Sắc Núi Hương Rừng

Từ nhỏ tôi rất thích kinh Pháp Cú, trong lòng
hết sức khoan khoái khi đọc đến câu:

Thân vị A-la-hán

Vui trăm mặc núi rừng ...

Và yêu mến núi rừng chi lạ! Thảo nào khi xuất
gia là tôi chạy tuốt lên tu viện Chơn Không trên núi
Tương Ky (Núi Lớn) Vũng Tàu như là một nhân duyên
tiền định!

Từ đó tha hồ ngắm núi đạo rừng và khe khẽ ngâm
hai câu của Tô Đông Pha:

Khê thanh bất thị quang trường thiết

Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân

Tiếng suối chính là Phật diệu âm

Màu non há chẳng phải pháp thân

Bỗng một hôm, nghe Sư phụ dạy trong Thiền Tông Vĩnh Gia Tập của thiền sư Huyền Giác rằng: “Từ buổi đến Linh Khê, tâm ý thanh thoi, thường chống gậy rong chơi trên đỉnh non cao thấp, phúi sạch tất vắng hang núi ngời yên. Trông ra muôn dặm non xanh hồ biếc, trắng sáng tự sanh gió đùa mây trắng. Hoa đẹp có thơm chim rừng tha ngậm, xa gần đều nghe vượn hú từng hồi, lấy cuộc gói đầu, có êm làm nệm. Đường đời lao xao tranh dành nhân ngã, tâm địa chưa đạt nên mới như thế.”

Câu “tâm địa chưa đạt nên mới như thế” là ngài Tá Khê Huyền Lãng muốn ám chỉ cho người đời và Ngài nghĩ rằng ở núi như Ngài thì chắc gần đạo. Nhưng bạn Ngài, thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác đã trả lời như sau:

“Gìn lòng tiết tháo, một mình ở nơi vắng vẻ bật dấu con người, ẩn mình trong hang núi, bạn thân không tới lui, chỉ có chim thú qua lại, suốt đêm miên miên, cả ngày lặng lặng, thấy nghe đều dứt, tâm thật vắng lặng. Một mình trên đỉnh núi, ở dưới cội cây, lánh sự đông đúc, hưởng thức ăn đạo, thật hợp với bạn.

Nhưng mà chánh đạo tịch liêu, tuy có tu mà khó hội, bọn tà huyền náo không tập mà dễ thân. Nếu chưa phải bậc giải khế huyền tông, hạnh hợp với chân thú thì chưa nên ở nơi vắng vẻ, ôm ấp sự vụng về suốt một đời mình. Phải nên rộng hỏi bậc tiên tri,

thành khẩn khâm phục chấp tay quỳ gối, chỉnh ý đoan dung, ngày đêm quên nhọc, trước sau hết lòng ngưỡng mộ, khắc phục thân miệng, trừ sạch biếng lười cố gắng cao, chẳng quản hình hài, chuyên tình chí đạo, mới có thể gọi là lòng thần nơi vương tắc (Vương tắc chỉ cho tâm). Phạm muốn đạt lý diệu huyền chẳng phải là dễ, kể đến quyết trạch như đi trên băng mỏng, cần phải nghiêng tai để mắt mà vâng theo huyền chỉ. Thu thúc tình trần để thưởng thức chỗ kín đáo sâu xa, quên lời mà vui với yếu chỉ, rửa sạch lụy phiền để ăn vị đạo mầu, đêm lo lắng, ngày hối han chẳng làm tóc tơ, được như thế thì mới có thể dấu mình trong hang núi, lặng lòng lo toan không tiếp xúc với mọi người. Hoặc có người tâm chưa thông thấy vật thành bị ngăn ngại, muốn tránh nơi huyền ảo, cầu chỗ yên lặng thì suốt cả đời cũng chưa được yên. Huống hồ rừng xanh bát ngát núi đá chập chùng, thú gầm chim hót, tùng trúc um tùm, đá nước chênh vênh, ngọn gió rung cây, bìm sấn vương vấn, mây mù hòa hợp, vạn vật héo tàn tươi tốt theo tiết trời, sớm chiều bị những thứ ấy làm hoa mắt, há chẳng phải là huyền ảo rộn ràng ư? Cho nên biết hễ kiến hoặc còn vương vít thì chạm vào đâu cũng thành vướng mắc. Do đó, trước cần phải biết đạo rồi sau mới ở núi. Nếu người chưa biết đạo mà ở núi trước thì chỉ thấy núi ắt quên đạo. Nếu người chưa ở núi mà trước đã biết đạo thì chỉ thấy đạo quên núi.

Quên núi thì đạo tánh làm vui vẻ tinh thần, quên đạo thì bị núi non làm hoa mắt.

Những lời dạy này khiến tôi giật mình nhìn lại, tự kiểm điểm mình, chỗ thấy chắc chưa phải!

Tôi thường thực tập công phu trên cái thấy, và thử chiêm nghiệm: Ở cự ly gần khoảng vài cây số, thấy núi có màu xanh tươi mát, từ vài mươi cây số mà nhìn, núi có màu xanh thắm, từ vài trăm cây số như trên máy bay nhìn xuống thì chỉ thấy một mảng nâu đen. Lúc vui phơi phơi thì thấy núi xanh tươi như vừa khoác lên một tấm áo mới, khi buồn rười rượi thì thấy núi một màu xám xịt ảm đạm. Như vậy, sắc núi thay đổi tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: thời tiết, khoảng cách, những tâm lý tiêu cực hay tích cực trong ta... Nếu thấy như thế thì Màu non chắc... chẳng phải pháp thân và chắc... mây trắng muôn dặm! (*Bạch vân vạn lý*)

Đọc lại các tác phẩm của thiền phái Trúc Lâm, tôi chọn bài “Cúc hoa” (Hoa cúc) của thiền sư Huyền Quang và rất tâm đắc đoạn sau đây:

華在中庭人在樓
焚香獨坐亦忘憂
主人與物渾無競
華向群芳出一頭

Hoa tại trung đình nhân tại lâu
Phản hương độc tọa diệt vong ưu
Chủ nhân dữ vật hỗn vô cạnh
Hoa hương quần phương xuất nhất đầu.

*Người ở trên lầu, hoa dưới sân
Vô ưu ngồi ngắm khói trầm xông
Hồn nhiên người với hoa không khác
Một đóa hoa vàng chợt nở tung.*

Nguyễn Lang dịch

Trúc Lâm đệ tam tổ đề nghị với ta một cách nhìn mới: Ngay khi nhìn một vật (hoa cúc), trong lòng hãy trút sạch mọi lo âu, tiếp đến xóa bỏ ranh giới giữa chủ thể nhìn và đối tượng bị nhìn, hay nói cách khác là không phân biệt vật bị nhìn, chỉ thấy một cách trong sáng hỗn nhiên. Nếu thực tập cái thấy này thường xuyên, chắc chắn sẽ gần với chí đạo. Thế nhưng, thực hiện công phu này ở đâu? Theo tôi: Người sơ cơ thì cũng phải chọn cảnh núi rừng để làm đề tài thực tập, sau khi được sức định rồi mới đi vào những hoàn cảnh khác, động hơn, phức tạp hơn.

Còn về hương rừng?

Sau cơn mưa, từ mặt đất toát lên mùi ngai ngái của lá cây rừng, cái mùi thân quen khiến lòng tôi không

khởi dâng lên niềm cảm xúc. Đi quanh thiền đường hít thở không khí buổi sáng nghe thật dễ chịu, đó đây đàn sáo bay về đậu trên cành tràm bông vàng kêu rộn rã như báo hiệu rằng đang trong mùa an cư. Tôi leo qua một dốc đá rêu xanh, lối mòn đã bao lần dẫn bước mà mỗi phen đi qua tôi lại thấy mới mẻ vô cùng. Tôi bước đi từng bước thông thả cảm thấy cõi lòng khoáng đạt, mặc cho cỏ dại dưới chân như đang níu lấy vạt áo tràng.

*Từ cỏ thơm người tìm đến đây,
Ngồi bên cầu đá ngắm mây bay...*

Tuệ Đăng

Đây là lấy ý từ bài tụng của Tuyết Đậu trong Bích Nham Lục:

Một hôm thiền sư Trường Sa dạo núi về đến cửa cổng. Thủ tọa hỏi: Hòa thượng đi đâu về? Trường Sa đáp: Đi dạo núi về. Thủ tọa hỏi: Đến chỗ nào rồi về? Trường Sa đáp: Trước theo đường cỏ thơm đi, sau theo lối hoa rụng về! Thủ tọa nói: Rất giống ý xuân. Trường Sa nói: Cũng hơn giọt sương thu trên hoa sen. (Tuyết Đậu bình: Cảm ơn lời đáp).

Thiền sư Viên Ngộ giải thích là thấy rõ cỏ nhân không có mảy may so sánh, cũng không có chỗ trụ trước, cho nên nói: Trước theo đường cỏ thơm đi, sau theo lối hoa rụng về. Nghĩa là thiền sư lên núi đi bách

bộ, ngài mặc tình đi, không nhất định là thưởng thức cảnh núi mà tự nhiên đi trong cảnh đẹp thôi. Nhưng viện chủ chưa khai ngộ, cho rằng ngài có thể đi nơi nào đó, gặp người nào đó, thấy cảnh nào đó, phải có mục đích hoặc sự thu hoạch đặc biệt gì đó.

Thiền sư Trường Sa nói với ông ta: Trước theo đường cỏ thơm đi, lại theo lối hoa rụng về. Trong mắt của ngài, đến nơi nào cũng tràn đầy cỏ thơm, nơi nào có cỏ thơm thì ngài bước tới, khắp nơi đều là hoa rụng rục rỡ, ngài đập trên hoa đẹp mà trở về. Tâm thông dong không vướng bận, từng bước đều là cỏ thơm và hoa rụng. Hai câu này làm nổi bật tâm không của thiền sư Trường Sa, không chút chấp trước ngăn ngại. Người thông thường khi tâm vui vẻ cũng có trạng thái này. Nhưng muốn làm được như ngài không phải dễ.

Tôi cũng thích dạo núi, đã từng dạo qua các núi và cảm nhận: Chơn Không chất ngát hương trầm của núi Tương Kỳ; Trúc Lâm ngan ngát hương thông của non Phụng Hoàng; Thiền viện Trúc Lâm (Chùa Lâm) thoang thoảng hương tùng của núi rừng Yên Tử. Tất cả những mùi hương trên đều đưa tâm hồn ta về cõi yên bình, thanh thoát. Nhưng nếu chỉ dừng lại nơi đây thì chắc không ổn. Chúng ta hãy nghe thiền sư Hối Đường Tổ Tâm dạy quan thứ sử Hoàng Đình Kiên khi ông quan này theo ngài học thiền trải qua nhiều ngày tháng mà không ngộ. Một hôm, ngài dẫn ông ta dạo núi, chợt hỏi:

- Ông có người thấy hương hoa rừng chẳng?
- Dạ, có.
- Ta không che giấu ông cái gì cả!

Lời khai thị của thiền sư Tổ Tâm há không phải chỉ cho tánh người ư?

Chúng ta có thể nương vào hai căn mắt và mũi này để tu tập trong khi ở núi, thiết nghĩ cũng không khác gì lời Hòa thượng ân sư dạy: “Mắt biết thấy là chơn tâm, tai biết nghe là chơn tâm, mũi biết ngửi là chơn tâm...”

Chúng quy lại, dù ở núi Phụng Hoàng, non Yên Tử hay núi Tương Kỳ nếu chúng ta ngấm sắc núi hay thưởng thức hương rừng như trên đây, theo thiền ý đều có thể thiền tập được, không khó lắm. Có phải thế không?



Tiếng suối chính là Phật diệu âm
Màu non há chẳng phải pháp thân

Tình Mẹ

Thuở bé lên chùa theo gót mẹ
Gió lay tà áo ngát hương trầm
Ngồi nơi lan nhĩ lòng thanh thoát
Tiếng Phật êm đềm ngát cõi tâm.

Lớn dù ham học vẫn không quên
Thực hiện nguyện xưa của mẹ hiền
Mẹ muốn con làm tăng sĩ trẻ
Tu hành đạt đến chỗ uyên nguyên.

Từ đây yên vui chốn cửa thiền
Đường xưa chốn cũ đã từng quen
Giọt nước nguồn Tào ôi lóng lánh!
Nguyên viễn lưu trường(*) trong mát thêm.

Kỷ niệm theo về với tháng năm
Ôi! Tình mẹ sáng hơn trăng rằm
Trong con chất ngát niềm hoài vọng:
Ơn mẹ, con nguyện thấu suốt tâm.

(*) nguồn xa dòng dài: chỉ cho pháp mạch Thiền tông được truyền thừa rất lâu xa.

Thiền Viện Trên Biển

Vừa nghe tên gọi thiền viện trên biển, thú thật tôi hết sức ngỡ ngàng, một thoáng nghi ngờ. Nhưng khi ra đến tận nơi tôi mới thấy đúng như thật. Thiền viện nằm trong vịnh Bái Tử Long, trước mặt là biển, xa xa là những ngọn núi đứng dần hàng ngang trên biển trước mặt chùa như một tấm lá chắn, ngăn cản những luồng gió mạnh khiến mặt biển êm như mặt hồ. Cảnh trí không giống những thiền viện khác. Đó là thiền viện Giác Tâm, mà tên gọi nôm na là chùa Cái Bầu, tên chữ là Phúc Linh Tự, tọa lạc ở thôn 1, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

*Thiền viện trên biển thật nên thơ
Thấp thoáng thành hàng núi nhấp nhô
Có lẽ lòng người tu tĩnh lặng
Nên biển êm như nước mặt hồ.*

Sáng sớm triều dâng cũng chỉ nghe tiếng sóng vỗ rì rào chứ không ì ầm như những bờ biển nơi khác. Mặt

biển sóng không to, đứng trên triền núi nhìn xuống, trông thật phẳng lặng, gợi nhớ đến vãn thơ của Bùi Giáng:

*Nước vẫn ngân lời hoài vọng cũ
Bên rừng cây lá bóng sơ nguyên*

Phải chăng cảnh nước non kỳ tú nơi đây có cảnh trí giống với thiền viện Chơn Không Vững Tàu là vừa có núi rừng vừa có biển cả, nhưng có điểm trội hơn là tiếp cận với biển, không bị ngăn cách với phố thị nên tránh được tình trạng “kinh kỳ bụi quá Xuân không đến”, cũng là môi trường rất tốt cho ai muốn tu hành, biết tránh việc hơn thua phải quấy cùng ghê sợ sự quyến rũ của sắc đẹp âm thanh và tha thiết sống với “buổi đầu sơ nguyên cũ”.

Hơn nữa, chính mặt nước bao la, phẳng lặng như gương in hình những hòn đảo khiến ta liên tưởng đến hình ảnh trong kinh Hoa Nghiêm nói về Hải ấn tam muội: Hải ấn là lấy dụ đặt tên, tức là khi biển cả gió lặng sóng yên, sum la vạn tượng đều in trên mặt biển, dụ cho sóng thức không sinh, trong sáng, tất cả pháp trong ba đời đều hiện rõ ràng, vì thuận theo chúng sanh nên ở trong phi ứng, lại tùy cảm mà ứng; giống như gương sáng, vật đến liền hiện một cách vô tâm, không phân biệt.

Đức Phật dạy rằng ai cũng có thể thành Phật nếu tu tập cho đầy đủ tâm đại bi, viên mãn hạnh Bồ Tát.

Vô lượng kiếp quá khứ, Phật, Hiền thánh đều trải thân hành Bồ tát đạo, làm lợi ích chúng hữu tình, mới đạt đến vô thượng Đẳng giác. Ngày nay, muốn thành tựu quả vị như Phật, chúng ta cũng phải phát tâm Bồ đề, dần thân tu Bồ tát đạo. Đó là tư tưởng nòng cốt của Phật giáo Đại thừa.

Tiến đến đỉnh cao của hệ tư tưởng này là kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm giới thiệu Đức Phật và cách tu thế nào để thành Phật, tức Bồ Tát hạnh. Tinh thần Hoa Nghiêm cho chúng ta ý niệm về Đức Phật hoàn toàn mới, khác hẳn các bộ kinh Đại Thừa khác. Đức Phật không bị giới hạn trong một loại hình cố định nào.

Thật vậy, Hoa Nghiêm mở ra cho chúng ta tầm nhìn phóng khoáng, theo đó không có gì không phải là Phật, đó mới là Đức Phật chân thật. Phật này là Phật huệ, trí huệ Phật hiện vô thân đồng nữ thì đồng nữ đó là Phật, hiện trong thân trưởng lão thì trưởng lão là Phật....

Tư tưởng đặc biệt của Hoa Nghiêm về sự hiện hữu vĩnh hằng của một Đức Phật toàn diện đòi hỏi chúng ta phải đạt đến trình độ nhất định nào đó mới có thể hiểu, sống và hành đạo như vậy.

Đứng trên lập trường bao quát, thấy Phật là tất cả, là pháp giới, được kinh Hoa Nghiêm biểu hiện qua hình ảnh 10 loại thân: Ngũ ấm thân, Quốc độ thân,

Chúng sanh thân, Thanh văn thân, Duyên giác thân, Bồ tát thân, Như lai thân, Trí thân, Pháp thân, Hư không thân. Hay có thể nói 10 loại hình này là diễn tiến sự sống từ thấp nhất tiến đến quả vị Phật và từ Phật giới chi phối ngược xuống toàn bộ các loài hữu tình, vô tình. Thế nên nói sum la vạn tượng đều in trên mặt biển.

Nghĩa là một khi chứng được quả vị Phật thì cũng là lúc ta thấy 10 loại thân đó đều hiện đủ như vạn vật in hình trong biển lặng, không phải tách biệt từng phần từng đoạn như cái thấy của ta hiện nay, cũng không phải không có cảnh nào như hàng Nhị thừa đã thấy, mà tất cả đều hiện đủ như bóng hiện hình trong gương. (10 loại thân này tùy vào mức độ nhiễm tâm của chúng sanh mà có, chỉ cho pháp giới tâm). Như phần chúng sanh thân, đó là thân của tất cả chúng sanh mà Phật là tánh thể, không phải Phật chính là thân đó. Chúng không một cũng không khác.

Từ đó, việc tu hành của Đại thừa đặt nền tảng trên sinh hoạt của tâm là chính. Nếu tâm thực sự tốt sẽ kết thành quả tốt, dù cho hành động chất phác có vẻ vụng về. Sức mạnh phi thường của tâm chi phối, khiến việc thành tựu, không cần phải cử thân động niệm, kinh gọi là vô tác diệu lực. Đó là ý chính mà kinh Hoa Nghiêm muốn đề cập đến.

Thế thì trong thiền sử có đề cập đến việc này không?

Thiền sư Mộng Song Tự Thanh ở chùa Thọ Quốc tại Minh Châu, nhân ngày Phật nhập niết-bàn, thương đường nói: “Phật chân pháp thân giống như hư không, vì sao ngày rằm tháng hai lại ở dưới cây Song Lâm làm như vẻ chết mất? Im lặng giây lâu nói: “Bóng trúc quét thêm không dấy bụi, bóng trăng xuyên biển chẳng vết hằn .”

Hoặc như trong ngữ lục của thiền sư Thiên Như Duy tắc ghi: “Nạp tạng có một việc vượt mức bình thường, nói phải nói trái đều trừ bỏ, vừa biết nắm hư không, bít hư không, vừa biết phóng lao theo lao, Hán đến hiện Hán, Hồ đến hiện Hồ.”

Có thể nói thiền sư khi gặp việc, biết rõ ngọn ngành và giải quyết êm đẹp; nhưng không có việc thì tâm lặng yên. Người trí thức bình thường chưa gặp việc đã tính toán đủ thứ, nhưng đụng việc lại không giải quyết được. Đối với thiền sư, yếu tố hải ấn tam muội có sẵn, tâm họ như tấm gương, những gì xảy đến là in bóng trên gương, họ biết rõ. Ta bị dày đặc đủ thứ lăng xăng lộn xộn nên hình không hiện lên được.

Như thế, ta thấy đem Kinh đối chiếu với Thiền quả là một cuộc tao phùng kỳ thú, và qua đó ta hiểu rõ được ý nghĩa của việc xây dựng ngôi thiền viện trên biển này. Cuối cùng xin thành tâm chấp tay cầu nguyện cho ngôi thiền viện trên biển hiện nay và cũng là ngôi thiền viện trên sườn núi ven biển trong một

tương lai không xa được hoàn thành. Chúng ta có thể
thấu cảm với sa-môn Nhất Thanh khi đã đến một nơi
có núi và biển rồi cảm hứng thốt lên:

*Thiên viện trên biển sao lạ!
Biển trắng với núi một màu
Ồ đêm vợi vời vị biển
Một lần cho cả xưa sau.*

Vu Lan Nhớ Ba

Tình ba thương con đậm đà biết mấy,
Tuổi thơ nào đủ trí để nhìn ra !
Mê sự nghiệp đến hôm nào chợt thấy
Dáng Nghiêm đường phút chốc đã lìa xa.

Tình ba thương con thâm trầm biết mấy !
Nén niềm đau khi quất trận roi đòn,
Hiện tượng dữ dạy răn điều phải quấy,
Trao gia tài tri thức quý nào hơn ?

Cởi áo thu sinh mặc vào áo đạo,
Thầm nhủ lòng tu học đến vuông tròn,
Một tiếng quát nghe đất trời đảo lộn,
Từ phút này xin đền đáp công ơn!

Chiều mưa lạnh trước đài sen thành kính,
Tụng lời kinh hồi hướng đến Ba thương.
Lời Ba dặn năm xưa con nguyện giữ :
Đem bình sinh thấp sáng lễ chân thường.



Nước vẫn ngân lời hoài vọng cũ,
Bên rừng cây lá bóng sơ nguyên.

Trên Đỉnh Từ Vân

Phi cơ vừa đáp xuống phi trường Denver thì trời đang trở tuyết. Lạnh. Anh bạn đồng hành người Mỹ có dáng dấp như một nhà hiền triết hỏi tôi tuyết ở Colorado có đẹp không? Tôi trả lời vì đây là lần đầu tiên trong đời thực tế thấy tuyết nên không thể so sánh. Anh gật gù, mỉm cười. Tôi theo anh vào bên trong nhà ga để lấy hành lý và chờ người đến rước.

Trên đường về chùa, đường dèo quanh co, nhìn quang cảnh hai bên đường thật đẹp và hùng vĩ, tuyết phủ trắng xóa. Tuyết ở khắp nơi: gần thì hai vệ đường, trên lá cây, trên mái nhà, trên nóc xe; xa thì trên các đỉnh núi của rặng Rocky Mountains, màu tuyết trắng tinh khôi lấp lánh dưới ánh tà dương nổi lên giữa nền trời xanh nhạt trông rất ngoạn mục.

Sáng hôm sau, thầy trụ trì tu viện Từ Vân rủ tôi leo núi – lên đỉnh Từ Vân. Sau khi mặc thêm áo ấm, đeo găng tay và mang ủng vào, chúng tôi khởi hành

không quên mang theo hai máy ảnh. Vừa ra khỏi nhà đã thấy dấu chân nai rải rác trước sân, theo lời Thầy trụ trì nói, đôi khi cũng có gấu ra ăn đêm, sáng còn thấy dấu chân. Y như truyện cổ tích. Hai chúng tôi đi trên tuyết, ngồi trên tuyết, nằm trên tuyết, thậm chí vo tròn tuyết ngậm vào miệng..... rồi nhả ra, không dám nuốt vì lạnh, chứ thật ra tuyết rất sạch, giống như nước đá bào. Tôi vốn thích tuyết từ nhỏ. Khi đọc các sách văn học phương Tây hoặc trong sách thi họa Trung Hoa tả cảnh và thấy hình thiên nhiên có tuyết phủ, trong lòng tôi rộn lên một niềm vui khó tả. Hôm nay thì quả tình là thấy tận mắt, sờ tận tay rồi liền tưởng đến vài câu thơ của thiền sư Phổ Trang:

獨噓嘻常慶快
截斷千妖並百怪
窮冬積雪徧山林
絕勝普賢銀世界

Độc hư hi, thường khánh khoái
Tiệt đoạn thiên yêu tịnh bách quái
Cùng đông tích tuyết biến sơn lâm
Tuyệt thắng Phổ Hiền ngân thế giới.

Một mình cười mỉm, bát ngát vui
Ngàn yêu trăm quái dứt phăng đuôi
Cuối đông chứa tuyết đầy rừng núi
Cõi bạc Phổ Hiền đâu tính khôi!

Tuệ Đăng dịch

Ý tứ đoạn thơ này thiền sư muốn nói khi trong lòng Ngài đã sạch hết phiền não thì nhìn nơi đâu cũng thấy thanh tịnh, trắng sạch như màu tuyết trắng đang phủ đầy rừng núi. Ngài còn so sánh ngay cả cõi Ngân thế giới của Bồ tát Phổ Hiền cũng chưa hoàn toàn tinh khiết bằng. Thiền sư nói như thế có gì quá đáng không? Thưa không! Bởi vì tu là cốt thanh tịnh tâm, chứ không phải trang nghiêm hoàn cảnh bên ngoài là đủ. Đây nhé, chúng ta thử tìm hiểu:

Ngân thế giới hay ngân địa hay kim địa là chỉ cho chùa hay đạo tràng thanh tịnh. Hình tượng Bồ tát Phổ Hiền tượng trưng cho chơn lý, cho đại hạnh vô biên của bồ tát, cho tam muội, cho từ bi. Ở đây, câu “Phổ Hiền ngân thế giới” thiền sư muốn chỉ cho Nga My Sơn. Đây là rặng núi nằm trong địa phận tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa, cách Thành Đô 160 km về phía Tây nam, chu vi khoảng vài trăm dặm, núi non trùng điệp. Thế núi uốn lượn quanh co như mây ngài, nhật mà dài nên được gọi là Nga My. Tương truyền nơi đây là đạo tràng linh hiển của Bồ tát Phổ Hiền. Nếu như

Nga My có Kim Đỉnh thì chốn này có Từ Vân. Kim Đỉnh cũng như Từ Vân (mây lành) là biểu trưng cho giai đoạn chư đại bồ tát đã lên giai vị Pháp Vân địa trong Thập địa. Khi ấy hành giả sẽ được Bồ tát Phổ Hiền dẫn đạo thể nhập Thập nguyện vương, tiếp tục tu tập để tiến lên Đăng giác, Diệu giác thành Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Ngài bảo dù “cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận” thì hạnh nguyện của Ngài “vẫn không cùng tận, niệm niệm nối nhau không hở, ba nghiệp thân khẩu ý không hề nhàm mỏi”. Bồ tát làm tất cả việc mà biết rõ nó như mộng huyễn, nên không có chi ngăn ngại. Do không có chi ngăn ngại nên trùm khắp pháp giới. Bồ tát Phổ Hiền do nhiều kiếp lập hạnh nguyện rộng lớn, công đức không thể tính kể, đã thể nhập Hoa Tạng thế giới hải, cho nên mới có diệu lực như thế. Vì thân tướng và công đức của Bồ tát trùm khắp tất cả, thuần nhất một vị diệu thiện, nên gọi là Phổ Hiền. Chúng ta lập nguyện tu hành quyết phải noi theo vị bồ tát này, nhìn thấy cõi đời như mộng huyễn và không tính kể đến thời gian :

*Nguyện làm mây bay mây bay,
Mặc hư không rộng, thảng năm dài.
Bao giờ tan biến phương trời cũ,
Tụ kết mây lành che bóng ai.*

Hôm nay về đến Việt Nam, ngồi nơi thiền viện Chơn Không trên đỉnh Tương Kỳ, ghi lại đôi hàng sau chín mươi ngày du hành trên đất Mỹ. Bên trời Tây kia cảnh tuyết rơi dù có đẹp đến đâu cũng chỉ là huyền mộng, tôi chợt khám phá ra câu “đắc địa” cho trường hợp này trong thơ Bùi Giáng:

Tuyết trời Tây có người lãng những gì !?

Vàng hồng

THƯỜNG CHIỂU

Những mùa thu trước đã đi qua
Còn lại trong ta ước vọng gì
Vàng hồng chói lọi luôn Thường Chiếu
Lung trời vút một cánh chim bay

Đêm đi nhẹ nhẹ tiếng sương rơi
Trong ánh lê minh nhật sắc trời
Vàng hồng lồ dạn hay Thường Chiếu
Mang nguồn nắng ấm tỏa ngàn nơi.

Trời tâm trong sáng thật bao la
Biển giáo dọc ngang đẹp ác tà
Giữa chốn Chơn Không hay Thường Chiếu
Vàng hồng lên tột đỉnh nguy nga

Nhìn về chốn cũ bóng mây qua
Trong sắc hoàng hôn rực ánh tà
Thông thả chiều đi cùng nhịp bước
Vàng hồng Thường Chiếu đến non xa

Vàng hồng Thường Chiếu mãi trong ta
Không bước đi chung nhịp hải hà
Ngự đỉnh Tương Kỳ mang sức sống
Cho Chơn Không ấy nở ngàn hoa.



Cuối đông chứa tuyết dày rừng núi
Cõi bạc Phố Hiến dâu tình khô



Với Mùa Xuân

Trong gió còn nghe lời ngũ lục
Mùa Xuân gương báu lóe hàn quang

Có những thanh gươm (thanh kiếm) làm nên lịch sử, thiết lập nên một triều đại, xây dựng mùa xuân trong cuộc đời của các đấng minh quân, các vị anh hùng. Đó là những thanh kiếm Mạc Da, Long Tuyền, Thái A, Ý Thiên trường kiếm... mặc dù vậy, giá trị của chúng vẫn nằm trong tương đối, vì lưỡi bén của chúng dấy máu đào, tạo nhiều ác nghiệp, gây đau khổ cho chúng sanh. Nhưng cũng là những thanh kiếm ấy, lại xuất hiện trong các tác phẩm Thiền tông như *Bích Nham lục*, *Chỉ Nguyệt lục*, *Ngũ Đăng Hội Nguyên*, *Truyền Gia Bảo Thiền Tông Trực Chỉ*... với tần số khá cao. Thế thì, các thiền sư dùng nó với mục đích gì, lai lịch ra sao, mang ý nghĩa và tác dụng trong nhà thiền như thế nào? Nó liên quan ra sao với mùa xuân mà nói là gương báu

với mùa xuân? Mùa xuân trong cuộc đời của các danh nhân ta có thể hiểu được, còn mùa xuân miên viễn thì ở đâu?

Trong Đạo, các Thiền sư hay dùng chữ Xuân để nhắc nhở chúng ta. Nhờ lời khuyên dạy của các Ngài, chúng ta càng tu càng phấn khởi hơn, càng vui thích hơn, nếu không thì tu lâu sẽ cảm thấy chán và buồn. Tại sao chán buồn? Vì ăn chay ăn lạt suốt đời, lại thêm thức khuya dậy sớm, bị rầy bị quở. Cho nên ở chùa lâu ngày cảm thấy chán buồn nếu không tìm được nguồn vui, nguồn vui đó các Thiền sư dùng chữ Xuân để diễn tả. Vậy chúng ta phải cố gắng đi mãi trên con đường tươi đẹp đã chọn dù phải vấp té trầy chân hay gặp những hòn sỏi phiến đá trở ngại. Nhưng dù những chướng ngại có khó khăn bao nhiêu cũng không thể ngăn cản được bước chân của những tâm hồn khoáng đạt, của những con người nguyện quyết tiến đến chỗ an lạc dài lâu mới thôi. Người tu là người thấy tương lai mình xán lạn tươi vui, chứ không phải càng tu rồi càng tối tăm đau khổ. Chính mỗi bước tu là mỗi bước chúng ta hướng về mục tiêu cao quý nhất, an lạc nhất của đời mình. Vì vậy khi nói đến mùa Xuân miên viễn chúng ta cảm nhận một niềm vui tràn đầy ở ngày mai khi tu chứng hoàn mỹ, đạt đến Niết-bàn cứu cánh.

Kiểm được xuất hiện từ trước thời Ân (Chu), Thương. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, phong tục

deo kiếm và đấu kiếm đã trở nên phổ biến và thịnh hành, qua đó lý luận về kiếm thuật cũng bắt đầu được hình thành, bởi thế mà vào đời Hán có nhiều người nổi tiếng về kiếm thuật là vậy. Đời Tùy, Đường hình thức kiếm vô cùng phong phú, thiết kế tinh xảo, tạo ảnh hưởng sâu sắc đến đời sau.

Bảo kiếm thường gắn với anh hùng, hiệp sĩ, nghĩa sĩ. Bảo kiếm trong lịch sử cổ đại Trung Quốc còn là những thanh kiếm độc nhất vô nhị, gắn liền với những câu chuyện ly kỳ, đôi khi pha màu sắc thần thoại, đó là các thanh kiếm trứ danh thiên hạ như : Long Tuyền kiếm, Can Tương Mạc Da kiếm... Long Tuyền là một trung tâm từ xa xưa chuyên về rèn kiếm của tỉnh Triết Giang. Nhưng hiện nay nó cũng là một trung tâm nghiên cứu và canh tân về các loại kiếm chiến đấu, tương tự như các loại kiếm Nhật.

Âu Dã Tử được coi là ông tổ của nghề rèn kiếm và là người rèn kiếm nổi tiếng nhất lịch sử Trung Hoa. Một lần ngao du, ông đã thấy mạch nước Long Tuyền trên núi Tần Khê, Chiết Giang có ánh sắc kim khí. Biết nơi đây có quặng sắt quý, ông đã cho xẻ núi và lấy được một mảnh *thiết anh (sắt tốt)*. Được Sở vương giúp đỡ, ông đã dồn hết tinh lực và luyện nên bộ ba thanh bảo kiếm có tên *Long Tuyền, Thái A, Công Bố*. Thái A bảo kiếm có nước kiếm sắc ngọt, chém sắt như bùn sau này rơi về tay Tần Thủy Hoàng Đế, từ đó lịch sử của

thanh bảo kiếm này đã gắn chặt với sự nghiệp thống nhất Trung Quốc của Tần Thủy Hoàng. Tần vương sau khi nhất thống thiên hạ đã cho cấm thanh kiếm báu này trên núi Trâu Tịch để tế cáo trời đất và được coi như một bảo vật trấn quốc. Thanh Long Tuyền kiếm dài ba thước (0,9m) rất sắc thì được đem dâng cho Sở Vương. Sau này những thanh kiếm qua lăng kính văn học đều được gọi là Long Tuyền kiếm và cụm từ “*tay vung ba thước Long Tuyền kiếm*” đã trở thành một khẩu ngữ quen thuộc. Cả ba thanh bảo kiếm này sở dĩ trở nên vang danh thiên hạ là vì thân kiếm tuyệt đẹp, sống kiếm chắc chắn, lưỡi kiếm vô cùng sắc bén, có thể chém sắt, chặt đá, đâm trâu đâm bò nhẹ như đâm xuống nước, khi múa kiếm khí tỏa ra khiến cho đối thủ hoa mắt chóng mặt, nhưng ngược lại vầng kiếm khí làm tăng uy lực của người sử dụng kiếm. Tiết Chúc, một người rất giỏi về kiếm học khi được nhìn thấy ba thanh kiếm này đã phải thốt lên: “*màu sắc đẹp như hoa phù dung mới nở, sáng rực như sao băng*”.

Dẫn chứng thiên ngữ:

Cứ theo lời tụng công án này của Tuyệt Đẩu giống như người giỏi múa kiếm Thái A, hươ trong hư không thênh thang mà không chạm đến lưỡi bén. Nếu người không có thủ đoạn này, vừa nắm đến liền chạm lưỡi đứt tay. (Phần lời bình của tác 1 trong Bích Nham lục)

Thế nào là Long Tuyền kiếm? Sư đáp: chẳng ra khỏi vỏ. Tăng nói: Xin mời rút ra khỏi vỏ? Sư đáp: Trăng sao dời chỗ. Hỏi: Cõi nước an ninh, vì sao châu chẳng hiện? Sư đáp: Đánh rơi chỗ nào rồi? (Ẩn Vi Giác Tịch thiền sư trong Ngũ Đăng Hội Nguyên q.8)

Hai thanh kiếm Long Tuyền và Thái A trên đây được các thiền sư mượn dụ cho trí huệ Bát-nhã trong nhà thiền.

Rèn, đúc được một thanh bảo kiếm là cả một quá trình công phu, nhiều khi phải hy sinh cả một con người như câu chuyện dưới đây:

Vào thời Ngô, bên Trung Quốc có một người thợ chuyên môn rèn kiếm nổi tiếng tên là Can Tương, vợ anh ta là Mạc Da. Hai người này phụ giúp vua Ngô Hạp Lư. Trong quá trình rèn kiếm, mặc dù có thép tốt, lò lửa đủ độ nóng, nhưng đã gần hai tháng mà thép trong lò vẫn chưa dung hóa nên Mạc Da phải nhảy vào lò đồng sôi và thép đã dần dần chảy tan. Cuối cùng, hai thanh kiếm tốt đã rèn xong: một thanh có vân như vẩy rùa là hùng kiếm tên là Can Tương, một thanh dợn như sóng nước là thư kiếm, tên gọi Mạc Da. Trải qua thử nghiệm, sắc nhọn vô cùng, có thể dùng đâm trâu ngựa, cắt sắt chém đá, còn vượt hơn cả thanh kiếm của Hạp Lư dùng. Dẫn chứng thiền ngữ:

*Gương sáng trên đài soi thấy rõ ràng tốt xấu.
Gươm Mạc Da nơi tay tùy thời cứu sống hoặc giết
chết. (Tắc 9, BNL)*

*Hỏi: Cầm kiếm Mạc Da định lấy đầu thầy thì
sao? Sư hừ một tiếng. Tăng nói: Đau khổ quá!. Sư
liền đánh. (Chỉ nguyệt lục, q.2)*

Thanh kiếm Mạc Da trên đây được các thiền sư mượn dụ cho trí huệ sẵn có của mỗi người hoặc tri kiến Bát-nhã của thiền sư dùng để tiếp hóa người học một cách tự do tự tại.

Ý thiên là tên gọi một thanh kiếm báu mà theo Kim Dung, nó được đúc bằng thép nguyên chất pha lẫn platin nên rất bén, chém sắt như chém bùn, phải dùng đến đao Đồ Long chém thì cả đao lẫn kiếm mới cùng gãy.

Thực ra, Ý Thiên Trường Kiếm là thanh kiếm đã có nghìn năm trước thời Ý Thiên Đồ Long Ký (Nguyên Mạt Minh Sơ). Thời Tam Quốc, nhân vật có thanh Ý Thiên Trường Kiếm là... Tào Tháo !

Vì Ý Thiên Trường Kiếm có thật, nên thiền sư Thạch Thành Kim có nhắc đến trong Truyền Gia Bảo Thiền Tông Trục Chỉ: *Hạ thủ công phu tu thiền cần lấy một chữ Tử dán ở trên trán, xem thân thể máu thịt này như đã chết đi, chỉ cốt tủy rõ một niệm. Một niệm hiện tiền, như được cây Ý Thiên trường kiếm, nếu chạm mũi nhọn của nó không thể được, nếu cà nhám cọ lặt*

thì kiếm ấy bỏ đi vậy. Thiền tông dùng thuật ngữ “Ý Thiên Trường Kiếm” để chỉ cho Bát-nhã Vô Tri.

Chúng ta nhận thấy hầu hết các thanh gươm trên đây được thiền sư dùng để chỉ cho Bát-nhã. Bát-nhã là trí huệ, là thực trí của Pháp thân (trí thể), là căn bản trí. Bát-nhã ngoài thực trí chiếu soi tất cả mà vô tri, còn có quyền trí (trí dụng). Chúng ta hãy xem lộ trình tu tập của một thiền giả:

Chiếc gươm trí huệ tay chẳng rời

Đơn đao đột nhập vô thượng giác

Tam độc bát phong không chướng ngại

Người tu được ví như một người phải đi băng ngang qua một khu rừng rậm đầy đặc. Nhưng anh ta đâu cần phải đốn chặt hết cả khu rừng ấy! Anh chỉ cần dọn cho mình một lối đi nhỏ, xuyên qua khu rừng ấy, để sang đến bên kia. Và dụng cụ mà anh có thể sử dụng để thực hiện được điều ấy là thanh kiếm (quán chiếu bát-nhã). Nhưng nếu muốn có hiệu quả thì nó phải có hai yếu tố là *sức nặng* và *sự sắc bén*. Nếu như ta băng ngang qua khu rừng với một lưỡi dao cạo, thì dầu cho nó có sắc bén đến đâu chắc chắn ta cũng sẽ thất bại. Và nếu như ta có một thanh mã tấu lớn nhưng cùn lụt thì kết quả cũng sẽ chẳng có là bao. Nhưng khi ta phối hợp hai yếu tố ấy lại với nhau, sự sắc bén và sức nặng của thanh kiếm, và với một công phu đều đặn có phương pháp rõ rệt, ta chắc chắn sẽ vượt xuyên qua khu rừng

và sang đến bên kia, bằng từng bước một, đốn ngã những thân cây, chém phăng các dây leo chằng chịt... Đây là một ví dụ rất hay về định và huệ trong Thiền tông. *Huệ* chính là sự sắc bén, sự sáng suốt của tâm thức, biết quán chiếu sâu sắc, và *Định* chính là sức nặng của thanh gươm, nó là năng lượng và sức mạnh ở phía sau mỗi nhát gươm trí huệ, dẹp sạch dây mơ rễ má vô minh vọng niệm, giúp cho mỗi bước chân thiền tập của ta được chắc chắn và vững vàng tiến đến một niệm hiện tiền, thấy được tự tánh, rồi tiếp tục sử dụng thanh kiếm ấy như vừa là phương tiện vừa là cứu cánh (thanh gươm chính là mùa xuân):

Chỉ một chơn như tam muội ấn

Tiến thẳng vào trong nhà pháp thân

Chơn như tam muội là chánh định trụ trong cảnh chơn như, chính là Như lai thanh tịnh thiền, là Tối thượng thừa thiền, là căn bản của tất cả tam muội. người nhập tam muội này nhất định đốn ngộ tự tâm bản lai thanh tịnh, vốn không phiền não, đầy đủ vô lậu trí tánh. Đến trình độ này chính là Bát-nhã Vô Tri. Vì nếu có sở tri, tức là có cái bị biết, thì cũng có cái không biết tới. Giống như khi ta ở gần một đồng cát, nếu ta nhìn kỹ một hạt cát, thì chẳng biết tới tất cả những hạt khác. Còn trí Bát Nhã là biết tất cả, bình đẳng không thiên vị, không chú ý đến một cái nào, (nhưng không cái gì không biết), mà biết tất cả thì cũng như chẳng

biết gì cả. Giống như ta nhìn đồng cát, thấy toàn bộ các hạt cát, bình đẳng như nhau, nên hình như chẳng biết gì cả, vì vậy nên nói là Bát Nhã Vô Tri. Kinh Đạo Hạnh nói: “Bát Nhã vô sở tri, vô sở kiến” hoặc nói: “Chơn tâm bậc Thánh chẳng có chỗ tri, chẳng có chỗ bất tri”. Vì thấy biết tất cả bình đẳng nên không cần tác ý, vì không tác ý nên tâm bậc Thánh trong sạch, trống rỗng. Và càng trống rỗng, trong sạch chừng nào thì sự chiếu dụng càng đầy đủ chừng ấy, giống như mặt gương càng sạch thì càng sáng. Do đó suốt ngày tri mà chưa từng tri là vậy. (Vì không có tác ý)

Tiến thẳng vào trong nhà pháp thân: vào nhà pháp thân chính là an trú nơi mùa xuân miên viễn.

Hơn nữa, một khi tu hành đến chỗ viên mãn, trí thể trí dụng hiện tiền thì cơ phong của hành giả hết sức linh hoạt, sắc bén khi tiếp dẫn người học, giúp họ ngộ nhập một cách dễ dàng. Quyền trí có công dụng ứng cơ hóa độ mà không qua sự tác ý. Do chẳng cần tác ý nên siêu việt trên thế tục, vì thế quyền trí suốt ngày ở trong thế gian mà chẳng nhiễm, suốt ngày tùy cơ hóa độ vô biên chúng sanh mà chẳng thấy lao nhọc:

*Trên ngọn diêu phong rong tự tại
Xem xét mười phương chúng khổ đau
Khởi từ phương tiện tùy ứng hóa
Đưa chúng đồng lên bờ Niết-bàn.*

Thiền sư Bảo Ninh Nhân Dũng có làm một bài thơ như sau:

*Xách búa nện lên thanh thép dài
Tứ bề tung tóe lửa hồng bay
Nhà nghề rèn được thanh gươm báu
Đem ra đầu ngõ bán cho ai.*

Thiền sư là người đem cả tuổi thanh xuân, nhiệt huyết của mình ở yên nơi chùa am thanh vắng, dùng trí bát-nhã thực hiện công phu nhằm đạt đến trí tuệ cứu cánh. Tiếp đến là sử dụng tuệ giác ấy hướng dẫn giúp đỡ mọi người. Con người đó được nhà thiền ví von như một tay thợ rèn giỏi, chịu sự nhọc nhằn nóng bức của lò lửa, đôi khi đánh đổi bằng cả sinh mạng của mình để rèn nên một thanh gươm báu; xong, người đó mang ra đầu ngõ để rao bán. Chúng ta biết rằng với thanh gươm ấy, chúng ta có thể dựng nên mùa xuân hạnh phúc cho cuộc đời mình, nhờ nó mà bao muộn phiền lo lắng ràng buộc sẽ được cắt đứt, dẹp sạch. Thế thì, mùa xuân của đất trời đang đến, cũng như mùa xuân miên viễn mà chư thiền sư có được nhờ thanh gươm báu, các ngài giới thiệu cho chúng ta, nhất là thanh gươm-phương tiện làm nên mùa xuân-các ngài trao nó cho ta, sao ta không hoan hỷ đón nhận!? Không nhanh chóng chớp lấy nó để tung hoành cho thỏa chí bình sanh?



Trong gió còn nghe lời ngữ lục
Mùa xuân giỡm bầu lóc hân quang

Thăm Thiền Viện Chân Không Vũng Tàu

Đường lên dốc đứng rợp hàng cây
Thiền Viện Chân Không rộng lối này
Thoang thoang hương ngàn đưa cánh gió
Lâng lâng đỉnh núi gợn tầng mây
Câu thơ gợi cảm miền thanh tịnh
Bước khách xông xao ý nặng đầy
Lẽ đạo sáng trong nơi cửa Phật
Thỏa niềm tu hạnh nghĩa tình say

Thùy Vân

Nỗi niềm cuối thế kỷ hai mươi
Thiền Viện Chân Không, mỗi cảm hoài
Biển pháp mệnh mộng đầy mắt khách
Non thiêng vời vợi bất trần ai
Nơi đây sạch hết niềm hoài vọng
Bước khách đâu cho ý nặng đầy
Nhận được lẽ màu nơi đất Phật
Sao không quay gót trở về đây?

Thông Thiền, 11.12.1999

Bên Cạnh Dòng Thơ

Danh sơn Yên Tử có một bề dày văn hóa đáng kính. Trong các nguồn văn hóa phi vật thể của triều Trần có ba mươi (30) bài thơ của vua Trần Nhân Tông, và trong ba mươi bài thơ của vị vua Phật ấy, có một bài thơ mà nội dung của nó làm nhiều người thắc mắc cho đến bây giờ. Đó là bài *Đăng Bảo Đài Sơn* (lên núi Bảo Đài). Nguyên văn chữ hán như sau:

登寶臺山

地僻臺逾古
時來春未深
雲山襄遠近
花徑半晴陰
萬事水流水
百年心語心
倚欄橫玉笛
明月滿胸襟

Âm:

Đăng Báo Đài Sơn
Địa tịch đài du cổ
Thời lai xuân vị thâm
Vân sơn tương viễn cận
Hoa kính bán tình âm
Vạn sự thủy lưu thủy
Bách niên tâm ngữ tâm
Y lan hoành ngọc địch
Minh nguyệt mãn hung khâm.

Dịch:

LÊN NÚI BẢO ĐÀI

Cảnh vắng đài thêm cổ
Xuân sang màu chứa hồng
Xa gần mây núi hợp
Rợp bóng ngô hoa trồng
Vạn sự nước xuôi nước
Trăm năm lòng ngỡ lòng
Tựa lan nâng sáo thổi
Trắng sáng đầy cõi tâm.

Nguyễn Lang dịch

Theo các nhà sử học Việt Nam thì núi Bảo Đài có ba nơi: 1. núi Bảo Đài là một ngọn trong dãy núi Yên Tử; 2. núi Bảo Đài thuộc Bảo Lộc ở Châu Ai; 3. núi Bảo Đài ở xã Đông Mạc, huyện Vọng Danh. Ở đây, chúng ta có thể hiểu núi Bảo Đài là một ngọn trong dãy núi Yên Tử, thuộc huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh hiện nay, tức ngọn núi có Am Ngọa Vân, cách chùa Hoa Yên gần 34 km đường bộ. Thế là về mặt không gian chúng ta đã xác định được, nhưng về mặt thời gian, vua Trần Nhân Tông đã sáng tác bài thơ trên vào lúc nào? Đó là điều chúng ta cần tìm hiểu, và có thể thì chúng ta mới thấu rõ những gì ngài muốn nói ở bốn câu thơ sau cùng của bài thơ này.

Theo giáo sư Nguyễn Duy Hình thì cuộc đời của vua Trần Nhân Tông có thể chia làm 7 giai đoạn: 1. làm Thái Tử; 2. làm vua có Thái Thượng Hoàng; 3. làm vua không có Thái Thượng Hoàng; 4. làm Thái Thượng Hoàng; 5. đi tu khổ hạnh; 6. đi thuyết pháp; 7. những ngày cuối cùng. Như vậy, Ngài đã làm bài thơ “*Đăng Bảo Đài Sơn*” trong giai đoạn nào? Ở đây, dưới góc nhìn của thiền học, chúng tôi cho rằng bài thơ này được trước tác vào giai đoạn tu khổ hạnh ở Ngọa Vân Am. Thật vậy, chúng ta hãy thử phân tích hai câu thơ trong bài:

*Cảnh vắng đài thêm cổ
Xuân sang màu chùa hồng*

Hai câu này nói lên cảnh vắng vẻ tổ điểm thêm cho dài. Nếu Đài xưa nằm ở chỗ nhộn nhịp sẽ mất đi vẻ cổ kính của nó. Và khi Ngài lên thăm Bảo Đài Sơn thì thời tiết phải vào cuối mùa xuân.

*Xa gần mây núi hợp
Rợp bóng ngõ hoa trồng*

Nghĩa là mây, núi, chỗ xa, chỗ gần thấp thoáng gần nhau. Con đường hoa dẫn lên núi, nửa bên nắng nửa bên râm. Đó là bốn câu diễn tả hình ảnh đẹp của Bảo Đài Sơn và cũng nói lên được tính đối đãi của thế giới hiện tượng: Viễn cận (xa gần), bán tình âm (nửa bên nắng nóng, nửa bên râm mát). Đây há chẳng phải là tông chỉ của Lục Tổ Huệ Năng về 36 phép đối trong phẩm Phó Chúc của Kinh Pháp Bảo Đàn sao?

*Vạn sự nước xuôi nước
Trăm năm lòng ngổ lòng
Tựa lan nâng sáo thổi
Trăng sáng đầy cõi tâm*

Chính bốn câu thơ này đã khiến nhiều người đời sau bàn cãi, vì không rõ ngài muốn nói gì, làm gì. Nếu chúng ta cùng nhất trí thời điểm sáng tác là vào giai đoạn xuất gia tu hành của Ngài và đồng ý rằng “thơ là đỉnh núi giữa bình nguyên ngôn ngữ, là tiếng nói sâu thẳm nhất của con tim” thì chúng ta mới có

thể lý giải được những điều Ngài ký thác trong đoạn cuối bài thơ.

Ý tứ của câu thứ năm là khi nhìn xuống dòng nước hay dòng suối chúng ta sẽ thấy từng đợt nước chảy qua, đợt sau nối tiếp đợt trước, liên tục không ngừng. Sự việc ở đời cũng vậy, cứ việc này nối tiếp việc kia liên miên không bao giờ dừng lại một chỗ. Đó là sự vận hành theo quy luật tự nhiên, là lẽ đương nhiên của cuộc đời, với cái nhìn của người đạt đạo thì chẳng có chi phải thắc mắc, phải suy lường. Cùng một ý này, trong bài thơ “Xuân Cảnh” cũng chính Ngài gợi mở:

客來不問人間事
共倚欄杆看翠微

Âm:

Khách lai bất vấn nhân gian sự
Cộng ý lan can khán thuý vi.

Dịch

Khách vào chẳng hỏi việc nhân thế
Cùng tựa lan can nhìn núi mây

Huệ Chi dịch

Rõ ràng lúc ấy Ngài đang đứng ở vị trí là một nhà tu hành khuyên chúng ta không nên vương bận vào chuyện tầm thường của thế tục, mà chỉ cùng khách

đứng ngấm màu xanh thắm ở tận chân trời là đủ. Bởi vì, thật ra cảnh quan tự nó đã nói lên đạo lý, như thiền sư Duy Nghiễm đáp câu hỏi “thế nào đạo?” của Lý Cao là: Mây ở trời xanh, nước ở trong bình.

Phải có tầm nhìn xuyên thấu cửa ải thiền cơ như trên đây rồi sau mới “bách niên tâm ngữ tâm. Câu này có nghĩa là Ngài nguyện đem cả cuộc đời lấy tâm truyền tâm, tức truyền bá thiền tông, hay nói rõ hơn là kiến dương thiền học của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Thế nhưng truyền bá bằng cách nào đây? Theo Ngài là “tựa lan can nâng cao ống sáo thổi”. Ống sáo ở đây chính là ống sáo không lỗ (vô khổng địch) mà trong các trước tác thiền lâm hay dùng để diễn tả ý điều sâu sắc không thể dùng phương tiện, cách thức bình thường để biểu hiện, mà con người phải vượt lên mọi quy cách, mọi sự ràng buộc của nhân kiến thông thường, tức là thuyết pháp không lệ thuộc vào các ngôn ngữ, lìa mọi tình thức, giống như vầng trăng kia chan rải ánh sáng đến mọi người một cách vô tư. “trắng sáng đầy cõi tâm” là nghĩa này vậy.

Tóm lại, đại ý của bài thơ này là vừa tả cảnh ở núi Bảo Đài vừa nói lên hoài bão của đức Điều Ngự Giác Hoàng, sơ Tổ Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử bằng ngôn ngữ hình tượng ẩn dụ vừa khéo léo vừa nên thơ đầy thiền vị.

Nếu như nói đức Điều Ngự Giác Hoàng đã nâng ống sáo không lỗ tấu nên khúc vô sinh, khiến cho ánh sáng giác ngộ lan tràn đến mọi tầng lớp nhân dân Đại Việt thời ấy, thì chúng ta cũng dám khẳng định rằng cây sáo thơ của Ngài đã để lại một tiếng ngân trong đến thẳm sâu trong lòng người con Phật và những người yêu thơ hiện tại.

Ngọa Vân Âm

Mây đã ngủ rồi trong mắt ai
Am xưa còn đó dáng Như Lai
Xạc xào gió lướt qua rừng trúc
Yên Tử hồn thiêng tiếng vọng dài.

Tiếng vọng năm xưa bên suối vắng:
Muôn sự theo dòng nước chảy xuôi
Cả đời lấy việc truyền tâm ấn
Thổi khúc vô sinh để dạy người.

Theo dấu chân Ngài, con đến đây
Ngồi bên lèn đá ngắm mây bay
Giác Hoàng chôn cũ mang hoài bão
Tục diệm truyền đăng sáng mãi hoài.

Ngày 15 tháng 10 năm 2008

Viết Bên Song Trúc

Người về vườn cũ đầy cây lá
Gặp chú chích chòe đang hót chơi ...

(Tuệ Đăng)

Khu vườn mà ngày xưa ba tôi đã bỏ công tạo dựng, mong muốn tôi sau này ra sức gìn giữ vì tôi là Út và vì đó là từ đường, là nơi có mồ mả của cha ông dòng họ nhà tôi. Có biết bao kỷ niệm thời thơ ấu, thiếu niên, thanh niên của tôi trong khu vườn nằm bên bờ Tiền Giang hiền hòa, thơ mộng.

Chính nơi đây, trong ngôi thiên thất làm bằng tre lá đơn sơ, tôi đã sống những ngày lao động tay chân cũng như trí óc hết mình mà trong lòng lại rất thư thái. Sống giữa cảnh thiên nhiên đầy hoa lá, bướm vờn chim hót, sông nước hữu tình, tình thương của cha mẹ và sự bảo bọc của anh chị nên tôi rất khỏe khoắn lúc

sáng tác dịch thuật và khi chăm sóc khu vườn. Trong ngôi thất yên tĩnh, vắng vẻ, ngồi bên song trúc để tra từ điển dịch kinh thì còn gì thú bằng:

*Nơi đây cuộc sống an bình quá,
Xong giờ thiền tọa đến xem kinh
Sau buổi làm vườn phụ cha mẹ
Đèn sách bên song, dưỡng chí mình.*

Ba tôi có sắm cho tôi một con bò vàng để làm bầu bạn. Người bạn nhỏ tuy dễ thương nhưng chán dất chàng ta cũng hơi mệt. Y như trong kinh “Phóng ngư” và “Thập mục ngư đồ” diễn tả: con bò, con trâu (dù cho tâm ta) rất khó điều phục.

Tôi quan sát thấy con bò đụng thứ gì trong vườn nó cũng liếm, cũng nhai; mà cách ăn của bò rất lạ hễ cây cỏ nhỏ nào nó xén ngang đầu một cái là hết lớn vì loài bò không có hàm răng trên nên khi ăn cây cỏ thì nó hay ngẩng đầu giở cây cỏ đó lên, cây bị đứt rễ, thử hỏi làm sao tiếp tục tăng trưởng? còn cây cối lớn nào nó cạp qua thì cũng èo uột. Ôi! Con bò này rất khó quản lý, nhưng kỳ thật, cái khó quản lý hơn chính là sáu căn của chính mình. Như con mắt mình muốn quản lý nó không phải lẽ thì chớ nhìn, có lúc nó vẫn chẳng nghe lời. Hai lỗ tai, mình muốn quản lý nó phi lẽ thì chớ nghe, nó vẫn ưa nghe trộm điều riêng tư của người khác. Một cái miệng, mình muốn

quản lý nó không được nói bậy, nó khăng khăng họa tùm khẩu xuất, gây bao phiền phức. Một cái tay, mình muốn quản lý nó, chẳng phải vật của mình thì không được lấy, nhưng người ham thích một ít tiện nghi đều chẳng kể đến hậu quả? Mất, tai, mũi, lưỡi, thân đều chẳng thể nghe theo mệnh lệnh của chính mình, lại làm sao quản lý con bò bên ngoài, quản lý sự tình nào khác được?

Thực ra, quản lý mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là cái có hình có tướng, tính ra lại còn dễ, nếu như quản lý nội tâm (tình thức) của chính mình, đây là khó lại càng khó hơn. Trong tâm có vô minh riêng của mình, phiền não tà kiến, như kiêu mạn, tật đố, phẫn hận, chấp trước như sóng mồi đánh vỗ không dừng. Con bò chính là dụ chỉ cho năm thức trước thích ăn chổi non hay lúa mạ nghĩa là hay chạy theo ngũ dục. Bây giờ dùng ý thức (tức thẳng chắn) biết nó là vọng, buông nó xuống để trả về cái thấy nghe, ngửi, nếm, xúc chạm hỗn nhiên. Đây chính là công phu tri vọng tức chắn bò. Nếu như chính mình thiếu sót đại nguyện, đại lực, đại trí, đại bi thì làm sao có thể quản lý được nội tâm (chắn bò) của chính mình? Nếu như quản lý chẳng tốt thì thân và miệng sẽ theo tập khí tạo nghiệp bất thiện và đem đến cho chúng ta ít nhiều tai ương, vô nghĩa giống như chú bò vàng gây hại cho miếng vườn nhà tôi không khác..

Mặc dù biết rõ và cố gắng chắn... bò như thế, nhưng tín hiệu mùa xuân vẫn... chưa thấy. Cho đến một hôm để thư giãn, tôi đi dạo vườn, ngắm cỏ cây hoa lá, đi ngang qua bờ ruộng bên hông nhà trồng toàn hoa cải tỏa hương thơm ngát mũi. Khi trở vào thất tiếp tục dịch kinh, áo quần vẫn còn thơm, tôi chợt đọc đến hai câu thơ:

掬水月在手
弄花香满衣

Cúc thủy nguyệt tại thủ
Lộng hoa hương mãn y.
*Vốc nước trắng trong tay
Đùa hoa hương đầy áo.*

Hai câu này được thấy trong *Pháp Diễn Ngũ Lục* quyển trung như sau: Sư nói: Ba Lăng tâm cơ thể ấy mà chỉ nói được một nửa. Bạch Vân thì không như thế mà là: Vốc nước trắng trong tay, đùa hoa hương đầy áo.

Thực ra, hai câu này được thiền sư Pháp Diễn mượn dùng từ bài thơ *Xuân sơn dạ nguyệt* của Vu Lương Sứ:

春山夜月

春山多勝事，
賞翫夜忘歸。
掬水月在手，
弄花香滿衣。
興來無遠近，
欲去惜芳菲。
南望鳴鐘處，
樓臺深翠微。

Xuân sơn đa thắng sự
Thưởng ngoạn dạ vọng quy
Cúc thủy nguyệt tại thủ
Lộng hoa hương mãn y
Hứng lai vô viễn cận
Dục khứ tích phương phi
Nam vọng chung minh xứ
Lâu đài thâm thúy vi

Vu Lương Sử

ĐÊM TRĂNG TRÊN NÚI XUÂN

Núi xuân nhiều cảnh đẹp
Xem mãi tối quên đường
Cắm trắng tay vốc nước
Chơi hoa áo đầy hương
Mặc gần xa vẫn thích
Bỏ đi cảnh tiếc thương
Phương nam hồi chuông vọng
Cây xanh ẩn cung tường

(Hải Đà dịch)

Vu Lương Sử một hôm dạo núi, Ông thấy mùa xuân trên núi cảnh đẹp bốn bề nên nhìn ngắm mãi mê cho đến trời tối quên cả việc trở về. Khi dùng bàn tay vốc nước thì thấy trắng trong tay và do vì dạo cả ngày trong rừng hoa nên áo quần đều ngậy ngát mùi hương. Cảnh đẹp gợi hứng như thế khiến cho Ông không còn cảm thấy gần hay xa cho chuyến du hành mà nếu như bỏ ra về thì tiếc cảnh vô cùng xanh tươi kia. Ông nghe tiếng chuông vang vọng từ phương nam và nhìn thấy tòa lâu đài ẩn khuất giữa vườn cây xanh.

Theo Nghiêm Thương Lãng thì đây là thơ ngụ thiên. Ông chớ rằng “đạo thiên chỉ ở chỗ diệu ngộ,

đạo thơ cũng chỉ ở chỗ diệu ngộ”, ý nói ngay nơi sự vật phải lãnh hội được đạo lý, trong đời sống phải nắm bắt được linh cảm.

Sách thiền Hư Đường Lục do thiền sư Trí Ngu soạn, dẫn câu “Vốc nước trắng trong tay. Đũa hoa hương đầy áo” để giải thích rằng sinh mệnh của Phật bất luận lúc nào nơi nào cũng mãi tồn tại. Đây há chẳng phải là công phu biết có chơn tâm như Hòa thượng ân sư từng dạy đó sao? Quả thật, nếu ta lập tức đắm dương thì không có vấn đề đè nén, đối kháng phiền não, vọng tưởng đến nổi lòng ta như một bãi chiến trường và tin được lời Tam Tổ nói:

*Đạo lớn không gì khó,
Chỉ hiểm lựa chọn thôi
Quý hủ không thương ghét
Thì tự nhiên sáng ngời.*

Chỉ cần có cách nhìn khác với nhận thức trước đây là muôn việc đều tốt đẹp. Vâng, như lời Hòa thượng ân sư dạy:

Tất cả đau khổ của nhơn loại đều do nhìn lầm nhìn quấy chấp cái thân vô thường, tâm sanh diệt, cảnh giả có cho là thật, là ta, là của ta rồi tranh đấu cấu xé nhau tạo nghiệp và thọ khổ. Gốc do si mê chấp cái giả làm thiệt, nhìn lầm các pháp cho là ta và của ta

rồi theo đó thỏa mãn, gom về cho ta và của ta. Bị cản trở không được như ý liền sanh sân hận, chém... giết, tì hiềm nhau, gây ra vô số tội ác, bị nghiệp kéo đi trong sáu nẻo, chịu vô lượng khổ. Chỉ một cái nhìn lầm mà tai họa khủng khiếp như thế.

Nếu chúng ta nhìn đúng lẽ thật, thì lòng thương yêu buông xả, lòng từ bi giúp đỡ, lòng cởi mở bao dung sẽ có mặt trong ta! Vì tất cả lực độ vạn hạnh đều nằm trong Phật tánh trùm khắp kia mà (*lực độ vạn hạnh thể trung viên*). Sao chúng ta không vươn lên trong ánh sáng Phật pháp, trí tuệ cao cả mà cam chịu rúc mình trong vỏ ốc tối tăm thấp kém và đau khổ triền miên? Sao chúng ta không sống với bầu trời cao rộng phóng khoáng như sư tử hiên ngang giữa rừng già mà cam chịu làm con sâu nhỏ nhoi gấm ghiếc.

Sao chúng ta không gan dạ quên mình vì đạo cả vì mọi người, sống như vì sao sáng lấp lánh giữa trời cao mà cam chịu làm con lươn con trạch chui rút trong bùn lầy tanh hôi đen tối của dục vọng cá nhân?

Những cảm nghĩ rời... được viết bên song trúc trong khu vườn mà tôi có một thời nường nấu và có nhiều kỷ niệm đẹp là như thế.

Vườn đón vui buồn vô tư lắm
Cũng tại người hay tính nhẩm hoài
Kỷ niệm theo về mưa với nắng
Sáng mai mở cửa thả tung bay

(Tuệ Đăng)

Vườn có xưa có nay, cảnh trí thay đổi luôn với sự biến dịch của thời gian, do lòng người vui buồn theo cảnh duyên biến đổi, chứ vườn thì chắc hẳn vô tư. Thế thì những kỷ niệm theo về mưa với nắng bên song trúc, tôi tự nhủ lòng hãy mở cửa thả cho nó tung bay theo cánh gió vào buổi ban mai.

Đường Xưa Chôn Cũ

Chiều về chậm chậm lần khăn bước
Man mác lòng ai mỗi cảm hoài
Chân Không đang độ mùa hoa nở
Đường xưa chôn cũ ngát hương bay

Đường xưa chôn cũ khơi niềm nhớ:
Cơ duyên đến ngộ: ánh sao mai
Thái Tử chuyển thân thành Thủy tổ
Đền thiền rực sáng rất lâu dài

Đường xưa chôn cũ khơi niềm nhớ:
Hổ tăng mắt biếc xé đêm dày
Thiếu thất chín năm nhìn thùng vách
Trời Tây phơi phới chiếc giày bay

Đường xưa chôn cũ khơi niềm nhớ:
Tráng sĩ Tung Sơn bật dấu hài
Pháp thoại an tâm vang vọng mãi
Cánh tay trên tuyết: Chí chàng trai

Đường xưa chốn cũ khơi niềm nhớ:
Mang đá trên lưng cốt nặng chày
Ung vô sở trụ – Năng lãnh hội
Hoàng Mai y bát, tắt vào tay

Đường xưa chốn cũ khơi niềm nhớ
Đối cảnh vô tâm: Ý chỉ Ngài
Giác Hoàng Diệu Ngự còn vang bóng
"Cư trần lạc đạo phú" nào phai!

Tây Thiên tú thất (*) truyền đăng mãi
Đường độ nhị tam (**) tục diệt hoai
Trúc Lâm Tam Tổ – dòng Thiền Việt
Đường xưa chốn cũ ngát hương bay.

15.11.95

(*) Hai mươi tám vị Tổ Ấn Độ

(**) Sáu vị Tổ trung Hoa



Đưa hoa hương đầy áo...

5	Viết Trên Cao
14	Lời Kẻ Đấng Trình
15	Đại Dương Trong Đồi Mất
21	Dáng Thấy
22	Mai Xuân Hương Thiển
29	Nguyên Xuân
30	Quả Hải Về Tây
37	Ngày Về
38	Cách Nhìn
42	Thuở Ấy
43	Sắc Núi Hương Rừng
51	Tình Mẹ
52	Thiền Viện Trên Biển
58	Vu Lan Nhớ Ba
59	Trên Đỉnh Từ Vân
64	Vầng hồng Thường Chiếu
65	Gương báu với mùa xuân
75	Thăm Thiền Viện Chân Không Vững Tàu
76	Bên Cạnh Dòng Thơ
83	Ngoạ Vân Am
84	Viết Bên Song Trúc
93	Đường Xưa Chốn Cũ

VIẾT BÊN SONG TRÚC

THÔNG THIỀN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

43 Lò Đúc - Hà Nội

Chi nhánh: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1

ĐT/Fax: 08. 38222 521

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BÙI VIỆT BẮC

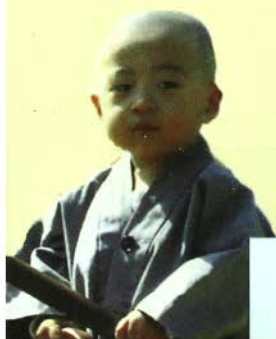
Chịu trách nhiệm bản thảo:

LÊ TIẾN DŨNG

Biên tập	:	THIỆN TÂM
Bìa	:	THÔNG THIỀN
Trình bày	:	ÁI THU

In 1.000 cuốn, khổ 13x19cm, tại Công ty in Liên Tường. Giấy đăng ký KHXB số: 81-2009/CXB/80/01-02/VHTT, ngày 23.3.2009. In xong và nộp lưu chiểu Quý I - 2009.

Đắp xuất bản:
THI KỆ THIỀN SƯ
(Giang Hồ Phong Nguyệt Tập)



12010000010135